

**CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG
MEDIPLANTEX**

Số: 46/CV-MP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX**

- Mã chứng khoán: MED

- Địa chỉ: 358 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

- Số điện thoại: 024.3864 3363 Fax: 024.3864 1584

- Email: tuyen.med@gmail.com

Loại thông tin công bố: : định kỳ bất thường theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

Bản cáo bạch và Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận ĐK chào bán CP ra công chúng số 271/GCN-UBCK

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 03/12/2021 tại đường dẫn: <http://www.mediplantex.com/vi/thong-tin-co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

**CÔNG TY CP DƯỢC TRUNG ƯƠNG
MEDIPLANTEX**



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Hoàng Dũng

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/04/2005 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 11/05/2017)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 27/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 11 năm 2021)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại địa điểm sau từ ngày ...

1. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN



Công ty Cổ phần Dược Trung Ương Mediplantex

Địa chỉ trụ sở chính: 358 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.38643363 Fax: 024.38641584

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN



Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ trụ sở chính: 52 Lạc Long Quân, phường Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 19006446 Fax: 024.37739058

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Ông Nguyễn Ngọc Tuyên
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Điện thoại: 0948166388

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX



(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/04/2005 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 11/05/2017)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược Trung Ương Mediplantex
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán	:	25.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng chào bán	:	6.280.095 cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán	:	62.800.950.000 đồng
(theo mệnh giá)		

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ trụ sở chính: 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại: 19006446

Fax: 024.37739058

Website: <http://fpts.com.vn/>

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, tòa nhà 167, phố Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024.6278.2904

Fax: 024.6278.2905

MỤC LỤC

1.	Tổ chức phát hành	9
2.	Tổ chức tư vấn.....	9
II.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	10
1.	Rủi ro về kinh tế.....	10
1.1.	<i>Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam</i>	<i>10</i>
1.2.	<i>Lạm phát.....</i>	<i>11</i>
1.3.	<i>Rủi ro tỷ giá.....</i>	<i>11</i>
2.	Rủi ro về luật pháp	12
3.	Rủi ro đặc thù	13
3.1.	<i>Rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào</i>	<i>13</i>
3.2.	<i>Rủi ro về biến động giá cả nguyên liệu.....</i>	<i>13</i>
3.3.	<i>Rủi ro sản phẩm.....</i>	<i>13</i>
3.4.	<i>Rủi ro cạnh tranh.....</i>	<i>14</i>
4.	Rủi ro về đợt chào bán	14
5.	Rủi ro pha loãng	15
6.	Rủi ro quản trị công ty.....	17
7.	Rủi ro khác	17
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	19
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	20
1.	Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	20
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	21
3.	Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành	22
4.	Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành	24
5.	Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	25
5.1.	<i>Công ty mẹ của tổ chức phát hành</i>	<i>25</i>
5.2.	<i>Công ty con của tổ chức phát hành.....</i>	<i>25</i>
6.	Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	25
7.	Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.....	28

8.	Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	28
8.1.	<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28
8.2.	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	29
8.3.	<i>Các loại chứng khoán khác</i>	29
9.	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	29
10.	Hoạt động kinh doanh	29
10.1.	<i>Đặc điểm hoạt động kinh doanh</i>	29
10.2.	<i>Tài sản</i>	38
10.3.	<i>Thị trường hoạt động</i>	39
10.4.	<i>Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính</i>	40
10.5.	<i>Các hợp đồng lớn</i>	44
10.6.	<i>Các khách hàng, nhà cung cấp lớn</i>	47
10.7.	<i>Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành</i>	49
10.8.	<i>Hoạt động Marketing</i>	51
10.9.	<i>Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế</i>	52
10.10.	<i>Chính sách nghiên cứu và phát triển</i>	57
10.11.	<i>Chiến lược kinh doanh</i>	57
10.12.	<i>Đáp ứng các điều kiện kinh doanh của các ngành nghề kinh doanh có điều kiện</i>	57
11.	Chính sách đối với người lao động	58
11.1.	<i>Thống kê lao động</i>	58
11.2.	<i>Chính sách tuyển dụng và đào tạo, phát triển nhân viên</i>	58
11.3.	<i>Chính sách lương thưởng, phúc lợi</i>	59
11.4.	<i>Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động</i>	60
12.	Chính sách cổ tức	60
13.	Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất trong 02 năm gần đây	61
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	61
15.	Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	61
16.	Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	61

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	62
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	62
1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	62
1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành	63
2. Tình hình tài chính	64
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản	64
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	73
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	74
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	75
4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2021	75
4.2. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên: Đại hội đồng cổ đông	76
4.3. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên	76
4.4. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.....	77
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	77
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	77
2. Thông tin về cổ đông lớn	77
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	84
3.1. Hội đồng quản trị.....	84
3.2. Ban Kiểm soát.....	88
3.3. Ban Tổng giám đốc.....	90
3.4. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành.....	92
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	93
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng	93
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu	93
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 6.280.095 cổ phiếu.....	93
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 62.800.950.000 đồng	93
5. Giá chào bán dự kiến: 25.000 đồng/cổ phiếu.....	93
6. Phương pháp tính giá	93

7.	Phương thức phân phối	93
8.	Đăng ký mua cổ phiếu.....	94
9.	Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	95
10.	Phương thức thực hiện quyền.....	95
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	96
12.	Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	96
13.	Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	96
14.	Hủy bỏ đợt chào bán	96
15.	Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	96
16.	Các loại thuế có liên quan	97
16.1.	Đối với nhà đầu tư cá nhân	97
16.2.	Đối với nhà đầu tư tổ chức	97
17.	Thông tin về các cam kết.....	98
18.	Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	98
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....		98
1.	Mục đích chào bán	98
2.	Phương án khả thi (trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án)	98
3.	Thông tin về tình hình triển khai dự án.....	98
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....		98
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....		123
1.	Các đối tác liên quan tới đợt chào bán	123
2.	Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán ra công chúng.....	124
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....		125
XII. PHỤ LỤC.....		125
1.	Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	125
2.	Phụ lục II: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.....	125
3.	Phụ lục III: Điều lệ công ty	125
4.	Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, 2020 và Báo cáo tài chính Quý II/2021.....	125
5.	Phụ lục V: Xác nhận mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	125
6.	Các phụ lục khác	125

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	22
Hình 2. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	24
Hình 3. Thuốc hoạt huyết dưỡng não CERECAPS (Hộp 3 vỉ x 10 viên)	33
Hình 4. Thuốc kháng viêm Alphachymotrypsin vỉ 10 viên.....	34
Hình 5. Thuốc Tuzamin.....	35
Hình 6. Hình ảnh thuốc MEDIPHYLAMIN 500mg	36
Hình 7. Hình ảnh thực phẩm bảo vệ sức khỏe ATAXAVI Vision New	37
Hình 8. Hình ảnh thực phẩm bảo vệ sức khỏe ADAMMAX	37
Hình 9. Hình ảnh thực phẩm bảo vệ sức khỏe TINH SÂM NHUNG BỔ THẬN DƯỢC LIỆU TWI	38
Hình 10. Giấy chứng nhận sở hữu logo Mediplantex.....	56

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.....	26
Bảng 2. Cơ cấu cổ đông.....	28
Bảng 3. Doanh thu sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng nhà máy.....	31
Bảng 4. Danh mục thuốc tiêu biểu.....	32
Bảng 5. Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại 31/12/2020 và 30/06/2021	38
Bảng 6. Tài sản cố định vô hình của Công ty tại 31/12/2020 và 30/06/2021.....	39
Bảng 7. Thị trường hoạt động.....	39
Bảng 8. Chỉ tiêu kế hoạch và tỷ lệ hoàn thành sản lượng 2020.....	40
Bảng 9. Kế hoạch và thực hiện các chỉ tiêu 2020.....	42
Bảng 10. Danh sách khách hàng lớn của Công ty năm 2019, 2020 và 2021.....	44
Bảng 11. Danh sách nhà cung cấp lớn của năm 2019, 2020 và 2021.....	47
Bảng 12. Danh sách bằng sáng chế	52
Bảng 13. Tình hình lao động trong Công ty tại thời điểm 31/12/2020.....	58
Bảng 14. Tỷ lệ cổ tức.....	60
Bảng 15. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019, năm 2020 và 06 tháng đầu năm 2021	62
Bảng 16. Các chỉ tiêu khác	63
Bảng 17. Vốn điều lệ năm 2019 và 2020.....	64
Bảng 18. Cơ cấu vốn kinh doanh.....	65

Bảng 19. Khấu hao tài sản cố định hữu hình	66
Bảng 20. Khấu hao tài sản cố định vô hình	66
Bảng 21. Các khoản phải thu	67
Bảng 22. Các khoản phải thu quá hạn	68
Bảng 23. Tổng số nợ phải trả.....	70
Bảng 24. Các khoản phải nộp theo quy định	71
Bảng 25. Trích lập các quỹ	71
Bảng 26. Các khoản vay và nợ của Công ty	72
Bảng 27. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	73
Bảng 28. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2021	75
Bảng 29. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	75
Bảng 30. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 29/03/2021	78
Bảng 31. Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn.....	80
Bảng 32. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	84
Bảng 33. Thành viên Ban Kiểm soát	88
Bảng 34. Thành viên Ban Tổng giám đốc	90
Bảng 35. Thu nhập trong năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc (gồm tiền lương, thưởng, thù lao).....	92
Bảng 36. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	95
Bảng 37. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	98
Bảng 38. Kế hoạch mua sắm máy móc, thiết bị	99
Bảng 39. Danh sách một số nhà cung cấp máy móc, thiết bị dự kiến của Công ty	119
Bảng 40. Kế hoạch bổ sung nguồn vốn lưu động (trả lương cho CBCNV)	122
Bảng 41. Kế hoạch thanh toán chi phí dịch vụ tư vấn và các dịch vụ khác	123

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Bà: Đoàn Thị Hồng Thuý	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Trần Hoàng Dũng	Chức vụ: Tổng giám đốc
Bà: Lê Thị Trang Nhung	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hạnh

Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Theo Quyết định ủy quyền số 98-2020/QĐ/FPTS-FHR ngày 02/12/2020 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 45/2020/FPTS/FCF-HN/MED ngày 28 tháng 02 năm 2020 với Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương Mediplantex (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty dược liệu Trung ương 1, Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 4410/QĐ-BYT ngày 07/12/2004 của Bộ Y tế về việc chuyển đổi hình thức sở hữu từ DNNN thành Công ty cổ phần. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không chỉ chịu sự tác động từ những yếu tố nội tại doanh nghiệp mà còn chịu ảnh hưởng từ những yếu tố bên ngoài như: sự tăng trưởng của nền kinh tế, lạm phát, các chính sách lãi suất, ... Những yếu tố đó tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và lĩnh vực hoạt động của Công ty nói riêng.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Theo Tổng cục Thống kê, GDP của Việt Nam giảm 6,2% so với cùng kỳ trong quý 3/2021, mức tăng trưởng quý thấp nhất từng được ghi nhận. Tất cả các ngành của nền kinh tế đều chịu tác động tiêu cực do dịch bệnh trong quý 3/2021. Việc tăng trưởng âm lớn, vượt khá nhiều so với kỳ vọng cho thấy tác động mạnh mẽ từ việc gián đoạn sản xuất trước các biện pháp phong tỏa quyết liệt. Có thể thấy lần bùng phát dịch bệnh lần này có sự khác biệt lớn về cả quy mô, thời gian diễn tiến và chưa từng có tiền lệ và khó có thể dự báo. Giai đoạn quý 3/2021, Chính phủ đặt ưu tiên đảm bảo an toàn tính mạng người dân. Sự sụt giảm mạnh trong quý 3/2021 được cho rằng sẽ khiến tăng trưởng kinh tế khó đạt được mức dự báo 3,9% trước đó. Do đó, dự báo tăng trưởng GDP năm 2021 được hạ xuống 2,2%.

Có một số trở ngại có thể cản trở sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam trong quý 4/2021, bao gồm tỷ lệ tiêm chủng thấp (đặc biệt là ở các vùng nông thôn), thu nhập của người lao động suy giảm trong bối cảnh đại dịch kéo dài, các biện pháp chống dịch không nhất quán và tình trạng thiếu hụt lao động ở các tỉnh miền Nam. Tuy nhiên, triển vọng kinh tế sẽ tươi sáng hơn kể từ quý 1/2022 trở đi nhờ (1) nhu cầu cao đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam khi nền kinh tế thế giới duy trì đà phục hồi mạnh mẽ, (2) tỷ lệ tiêm chủng cao hơn với 70-75% dân số được tiêm chủng đầy đủ, (3) các chuyến bay quốc tế được nối lại và sự hồi sinh của ngành du lịch và (4) dự kiến nới lỏng chính sách tài khóa và tiền tệ trong 6 tháng năm 2022. Tăng trưởng GDP của Việt Nam được dự báo đạt 7,5% vào năm 2022, với sự tăng trưởng phân hoá các ngành nghề và khu vực.

Năm 2021, nỗi sợ do đại dịch viêm phổi cấp do chủng mới của virus Corona (dịch Covid-19) tiếp tục bao trùm lên toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong những tháng đầu năm. Hoạt động sản xuất công nghiệp chưa thể phục hồi nhanh như thời điểm trước khi dịch Covid-19 xảy ra do một số ngành phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ các nước trên thế giới hiện chưa kiểm soát được dịch bệnh. Với tình hình dịch bệnh hiện nay sẽ đặt ra nhiều thách thức khó lường cho Công ty trong thời gian sắp tới.

1.2. Lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2021 tăng 0,19% so với tháng trước, tăng 1,62% so với tháng 12/2020 và tăng 2,41% so với cùng kỳ năm 2020. CPI bình quân quý II tăng 0,45% so với quý trước và tăng 2,67% so với cùng kỳ năm 2020. CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2021 tăng 1,47% so với bình quân cùng kỳ năm 2020. Tuy nhiên theo Tổng cục Thống kê, áp lực lạm phát năm 2021 vẫn hiện hữu và sẽ tăng dần từ nay đến cuối năm. CPI sẽ tăng dần là do một số yếu tố chủ yếu như: các tổ chức quốc tế đều đưa ra những dự báo khả quan về triển vọng kinh tế toàn cầu trong năm nay do việc tiêm chủng vaccine phòng dịch COVID-19 đã và đang được khẩn trương triển khai trên toàn thế giới. Ở trong nước, các doanh nghiệp cũng đang thích ứng với trạng thái bình thường mới, các hoạt động sản xuất, thương mại dịch vụ từng bước sôi động trở lại, nhu cầu về vốn, nguyên nhiên vật liệu tăng lên. Khi kinh tế phục hồi, nhu cầu về hàng hóa, dịch vụ tăng, từ đó sẽ đẩy mặt bằng giá lên cao và tạo áp lực lên lạm phát của cả năm 2021.

1.3. Rủi ro tỷ giá

Tỷ giá trung tâm giao dịch ngày 30/09/2021 ở 23.162, tăng 31 VNĐ ytd. Trong khi đó, tỷ giá giao dịch tại các NHTM giảm 355 VNĐ về 22.860 VNĐ/USD, tương ứng VNĐ tăng giá khoảng 1,5% so với USD trong 9T2021. Các nguyên nhân có thể đến từ (i) FDI giải ngân trong 9T.2021 ước đạt 13,28 tỷ USD (-3,5% yoy). Tổng vốn đăng ký mới đạt gần 12,5 tỷ USD (+20,6% yoy), tổng vốn đăng ký thêm đạt 6,4 tỷ USD (+25,6% yoy), cho thấy sức hút của Việt Nam đối với dòng vốn đầu tư nước ngoài; (ii) điểm sáng vẫn thuộc về các hoạt động xuất nhập khẩu. Trong đó, xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 240,52 tỷ USD (+18,8% yoy); nhập khẩu đạt 242,65 tỷ USD (+30,5% yoy). Cán cân thương mại 9T2021 ước tính nhập siêu 2,13 tỷ USD khi tháng 9 đã ghi nhận giá trị xuất siêu trở lại 0,5 tỷ USD; (iii) Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh giá niêm yết mua vào USD về 22.750 VNĐ (giảm khoảng 80-100 VNĐ tính toán dựa mức giá chiết khấu mua kỳ hạn). Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước đổi phương thức mua giao kỳ hạn 6 tháng về phương thức mua giao ngay, theo đó tạo nguồn cung mới và tức thời cho thị trường.

Thị trường ngoại hối được kỳ vọng dao động trong biên độ do (i) ổn định kinh tế vĩ mô cùng động lực tăng trưởng hồi phục là cơ sở để chúng tôi cho rằng dòng vốn nước ngoài cùng dịch chuyển dòng vốn sẽ tiếp tục tìm đến Việt Nam; (ii) hoạt động xuất khẩu được kỳ vọng khởi sắc trở lại với các hiệp định thương mại tự do được thực thi toàn diện hơn (theo VCBS). Đồng thời, ảnh hưởng của dịch Covid-19 được khắc phục, sản xuất kinh doanh quay trở lại hoạt động, đặc biệt tại các khu công nghiệp được chú trọng và được đẩy mạnh; (iii) Ngân hàng Nhà nước vẫn điều hành chính sách linh hoạt và nhất quán hướng tới mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô nói chung và tỷ giá nói riêng. Đồng thời, dự trữ ngoại hối vững chắc là cơ sở hỗ trợ ổn định tỷ giá. Nhìn chung, VND được dự báo sẽ có xu hướng mạnh lên so với đồng USD với mức biến động không quá 2% trong năm 2021.

Hàng năm, Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex nhập khẩu nguồn nguyên liệu từ nước ngoài. Giá cả nhập khẩu các mặt hàng trên bị tác động bởi những biến động về tỷ giá. Để giảm thiểu ảnh hưởng của loại rủi ro này, Công ty đã tiến hành phân tích, đánh giá và dự báo biến động giá cả nguyên liệu đầu vào, từ đó chủ động nhập khẩu và tồn trữ hàng hoá thích hợp.

2. Rủi ro về luật pháp

Ngành Dược là một trong những ngành nhạy cảm trước những tác động bởi sự quản lý của Nhà nước. Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016 chính thức có hiệu lực ngày 01/01/2017. Các văn bản dưới luật như Nghị định số 54/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược, thông tư số 11/2018/TT-BYT quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Năm 2019, Bộ Y tế vừa ban hành thông tư 15/2019/TT-BYT quy định việc đấu thầu thuốc trong các cơ sở y tế công lập. Với những quy định nghiêm ngặt trong việc quản lý công tác đấu thầu, cung ứng thuốc Công ty sẽ gặp không ít những khó khăn trong công tác bán hàng qua kênh hệ điều trị. Tuy nhiên, để giảm thiểu những rủi ro này Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định trong chuyên môn để chủ động cải thiện nội lực, áp dụng các tiêu chuẩn mới phù hợp với Luật hiện hành đảm bảo điều kiện kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần niêm yết, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Bộ luật Lao động, Luật Chứng khoán, ... Trong những năm gần đây, nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập sâu rộng trên trường quốc tế, ký kết nhiều hiệp định, các văn bản Luật dần được ban hành mới.

Trong đó, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019 thay thế Luật Chứng khoán 2006 và Luật Chứng khoán sửa đổi 2010 có nhiều sửa đổi, thay thế. Luật và các

văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, Công ty luôn chủ động nghiên cứu nắm bắt các quy định mới nhằm tuân thủ các điều luật, nâng cao tính minh bạch, đặc biệt là đưa khả năng quản trị Công ty tiệm cận với các thông lệ tốt của quốc tế giúp việc quản lý ngày một hiệu quả hơn.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào

Hiện nay, ngành công nghiệp hóa chất cơ bản, công nghiệp hóa dầu nước ta chưa phát triển mạnh, vì vậy khoảng 90% nguyên liệu để sản xuất thuốc đến từ nhập khẩu, các khoản chi phí nhập khẩu, biến động về tỷ giá và giá cả sẽ khó kiểm soát, ảnh hưởng đến lợi nhuận của các công ty dược phẩm nói chung và CTCP Dược Trung Ương Mediplantex nói riêng. Công ty đã chủ động tìm các đối tác trong và ngoài nước có nguồn cung ổn định và chất lượng, tránh rủi ro phát sinh về biến động giá nguyên liệu đầu vào, đồng thời chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hóa các Bộ định mức vật tư tiêu hao nguyên vật liệu để tiết kiệm chi phí giảm giá thành sản phẩm.

3.2. Rủi ro về biến động giá cả nguyên liệu

Đối với mặt hàng dược phẩm, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm khoảng 70% tổng chi phí và 60% doanh thu. Vì vậy, sự biến động của giá cả nguyên vật liệu ảnh hưởng lớn đến biên lợi nhuận sản xuất của Công ty, đặc biệt trong tình hình giá bán bị kiểm soát bởi Cục Quản lý dược Việt Nam. Ngoài ra, công nghệ hóa dược Việt Nam vẫn chưa theo kịp trình độ của các nước phát triển trên thế giới nên hầu hết nguyên liệu sản xuất dược phẩm tại Việt Nam đều phải nhập khẩu.

Chịu ảnh hưởng chung từ dịch bệnh Covid-19, các nước phải thực hiện đóng cửa hoặc hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu trong nửa đầu năm 2020. Điều này phần nào ảnh hưởng đến việc nhập khẩu nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất của Công ty.

3.3. Rủi ro sản phẩm

Dược phẩm là loại hàng hóa đặc thù liên quan đến sức khỏe và tính mạng của con người. Dược phẩm nếu không được bảo quản một cách chặt chẽ, đúng quy trình sẽ dẫn đến biến đổi hóa học ảnh hưởng xấu đến chất lượng sản phẩm. Những năm gần đây, ngành Dược phẩm Việt Nam đối mặt với tình trạng hàng nhái, hàng kém chất lượng, làm giả gần nhãn mác các thương hiệu nổi tiếng xuất hiện tràn lan trên thị trường làm hoang mang cho người tiêu dùng và gây thiệt hại lớn đến uy tín, doanh số của các doanh nghiệp trong ngành.

Do đó, Công ty phối hợp tốt với các cơ sở y tế và cơ quan kiểm nghiệm các cấp để nắm bắt thông tin nhanh chóng và có quy trình xử lý kịp thời, trên nguyên tắc an toàn sức khỏe của người tiêu dùng là trên hết. Thêm vào đó, Công ty định hướng xu thế phát triển sản phẩm để dự kiến lượng hàng sản xuất và tồn kho, đẩy mạnh tiêu thụ những mặt hàng có số lượng tồn kho lớn. Lập kế hoạch sản xuất sát với nhu cầu bán hàng và sức tiêu thụ của khách hàng. Thực hiện nhập trước xuất trước, nhập sau xuất sau đối với sản phẩm lưu kho để giảm rủi ro hết hạn.

3.4. Rủi ro cạnh tranh

Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do (FTA), hình thành cộng đồng ASEAN vào đầu năm 2019, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTTP) có hiệu lực sẽ mở ra cơ hội và không gian phát triển rộng lớn hơn, nhưng thách thức cũng lớn hơn đối với các doanh nghiệp ngành dược. Tiến trình này sẽ thu hút mạnh các nhà đầu tư ngoại tham gia vào nền kinh tế, tạo nên sự đa dạng trong cả cung và cầu, song song đó là sự cạnh tranh mạnh mẽ do hội nhập mang lại, nhất là cạnh tranh ngày càng gay gắt ngay cả trên thị trường trong nước. Mặc dù hiện nay, kênh phân phối của Mediplantex đã trải rộng khắp cả nước, tuy nhiên mức độ cạnh tranh trong những năm tới có thể gia tăng do các doanh nghiệp với nguồn tài chính ổn định như: Dược Hậu Giang, Pymepharco, Trapharco, ... đang đẩy mạnh mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm chiếm lĩnh thị trường dược cả trong và ngoài nước. Trong bối cảnh đó, Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex sẽ tiếp tục củng cố mối quan hệ với các kênh phân phối, xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu, xây dựng đội ngũ nhân viên tư vấn trực tiếp đến người tiêu dùng để nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, giữ vững thị phần, vị thế của Công ty trong ngành.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Đợt chào bán được thực hiện trong giai đoạn thị trường có nhiều bất ổn do tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên quy mô lớn và có tính chất phức tạp. Mặt khác, giá cổ phiếu được xác định bởi mối quan hệ cung cầu của thị trường, mối quan hệ cung cầu này phụ thuộc nhiều vào yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý nhà đầu tư.

Do đó rủi ro của đợt chào bán có thể xảy ra khi số lượng cổ phiếu chào bán không được phân phối hết. Trong trường hợp này sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch sử dụng vốn của Công ty. Công ty có thể sẽ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn vốn để tài trợ cho các chi phí và các hợp đồng mua bán tài sản và có khả năng làm chậm tiến độ các mục đích trên so với kế hoạch. Trong trường hợp đó, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng khác với giá phân phối không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

5. Rủi ro pha loãng

Việc phát hành thêm 100% cổ phiếu mới so với số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm trước khi phát hành sẽ dẫn đến sự pha loãng của giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường. Trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (a) Pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần – EPS, (b) Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần – BV, (c) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết, (d) Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.

Thông tin về số lượng cổ phần của Công ty trước và sau đợt chào bán:

Tổng số cổ phần	(1)	6.280.095
Số lượng cổ phiếu quỹ	(2)	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (trước đợt chào bán)	(3) = (1) – (2)	6.280.095
Số lượng cổ phần dự kiến chào bán	(4)	6.280.095
Tỷ lệ pha loãng	(5) = (4) / (3)	100%
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành sau đợt chào bán	(6) = (3) + (4)	12.560.190
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm 2021 (giả định đợt chào bán kết thúc vào ngày 30/09/2021, thời gian lưu hành của cổ phiếu sau đợt chào bán là 03 tháng)	(7) = $\frac{(3)*(12-t) + (6)*t}{12}$ (với t là thời gian lưu hành của cổ phiếu sau đợt chào bán, $t = 3$ tháng)	7.850.119

a) Pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận. Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{pha\ loang} = \frac{E}{Q_{bq}}$$

Trong đó:

$EPS_{pha\ lo\ang}$: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt chào bán thành công

E : Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Q_{hq} : Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ

Sự thay đổi của Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) trong trường hợp không có đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và trong trường hợp có đợt chào bán trên được thể hiện trong bảng dưới đây:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Không có đợt chào bán	Có đợt chào bán
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 (dự kiến)	Đồng	24.052.369.445	24.052.369.445
2	Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	Cổ phiếu	6.280.095	7.850.119
3	Thu nhập cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng/cổ phiếu	≈ 3.830	≈ 3.064

Sau khi chào bán, EPS năm 2021 của Công ty cổ phần Dược Trung Ương MediPlantex bị giảm 20% so với trước khi chào bán. Tuy nhiên rủi ro pha loãng này sẽ được giảm đi khi Công ty sử dụng số tiền huy động được từ đợt phát hành để bổ sung nguồn vốn lưu động, tái đầu tư và sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn.

b) Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần – BV (Book Value)

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau:

$$BV = \frac{VCSH}{Q - CPQ}$$

Trong đó:

NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông

Q: Tổng số cổ phiếu đã chào bán

CPQ: Tổng số cổ phiếu quỹ

BV: Giá trị sổ sách cổ phiếu

Với việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 với giá 25.000 đồng/cổ phần thì giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) năm 2021 có thể giảm nếu tốc độ tăng của số cổ phiếu đã chào bán cao hơn tốc độ tăng của nguồn vốn chủ sở hữu.

c) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông đang sở hữu).

d) Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (PR \times I)}{1 + I} = \frac{42.400 + 25.000 \times 100\%}{1 + 100\%} = 33.700 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Trong đó:

P_{tc}: Giá thị trường cổ phiếu sau khi pha loãng

PR_{t-1}: Giá thị trường của cổ phiếu trước khi pha loãng (tạm tính tại ngày 29/03/2021)

I: Tỷ lệ tăng vốn

PR: Giá cổ phiếu chào bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro đến từ những quyết định, phương hướng quản trị của Ban Điều hành Công ty và từ đó có thể dẫn đến những tổn thất trong hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex. Tuy nhiên, nhân sự trong Ban Điều hành là những cán bộ có bề dày kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực dược phẩm; cũng như đã có nhiều năm gắn bó với Công ty và có những am hiểu sâu sắc về ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty nên rủi ro này được hạn chế ở mức thấp nhất.

7. Rủi ro khác

Hoạt động của Công ty cũng chịu ảnh hưởng của các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, bão lớn, mưa kéo dài, ... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán nếu xảy ra

sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Công ty đã tiến hành tham gia mua bảo hiểm cho tài sản mà Công ty đang khai thác, sử dụng.

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCK	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Công ty/ MED/ Tổ chức thực hiện chào bán	: Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex
DHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
BTGD	: Ban tổng giám đốc
BCTC	: Báo cáo tài chính
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
Điều lệ Công ty	: Điều lệ của Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex
Đồng	: Việt Nam đồng
VSD	: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
GMP	: Tiêu chuẩn thực hành sản xuất tốt
WHO	: Tổ chức Y tế thế giới
SCCBDL	: Sơ chế chế biến dược liệu
GLP	: Hệ thống an toàn chất lượng phòng thí nghiệm
GSP	: Thực hành tốt bảo quản thuốc
ETC	: Kênh phân phối thông qua bệnh viện, phòng khám
OTC	: Kênh phân phối bán lẻ, kênh nhà thuốc.
KHCN	: Khoa học công nghệ
TSCĐ	: Tài sản cố định

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên công ty viết : CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
bằng tiếng Việt

Tên công ty viết : MEDIPLANTEX NATIONAL PHARMACEUTICAL JOINT STOCK
bằng tiếng nước COMPANY
ngoài

Số Giấy chứng : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108430 do Sở Kế hoạch và
nhận đăng ký Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/04/2005 và Giấy chứng nhận
doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 11/05/2017.

Địa chỉ : 358 đường Giải Phóng – quận Thanh Xuân – Hà Nội

Số điện thoại : 024.38643360

Số fax : 024.38641584

Vốn điều lệ : 62.800.950.000 đồng

Ngành nghề kinh : - Kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh và thực phẩm
doanh chính dưỡng sinh, lương thực, thực phẩm; vaccin sinh phẩm y tế;

- Kinh doanh nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, phụ liệu, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), chất màu phục vụ cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và công nghệ;
- Mua bán máy móc, thiết bị y tế, thiết bị bao bì phục vụ cho sản xuất tân dược, thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng;
- Trồng cây dược liệu;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, nhà cửa, kho tàng;
- Dịch vụ môi giới đầu tư, môi giới thương mại và ủy thác xuất nhập khẩu;
- Phòng chuẩn trị y học cổ truyền;
- Dịch vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, tư vấn, đào tạo huấn luyện chuyên ngành y dược.

Người đại diện : Ông Trần Hoàng Dũng – Chức vụ: Tổng Giám đốc
theo pháp luật

Mã cổ phiếu : MED

Sàn niêm yết : Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Tiền thân là Công ty dược liệu Trung ương 1, Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 4410/QĐ-BYT ngày 07/12/2004 của Bộ Y tế về việc chuyển đổi hình thức sở hữu từ DNNN thành Công ty cổ phần. Ngày 12/04/2005 Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex. Với bề dày truyền thống 50 năm, đã có 20 năm phấn đấu theo định hướng tương cường sản xuất công nghiệp, năng lực kinh doanh trong nước và xuất khẩu với mục tiêu “Vi sức khỏe và đẹp con người”, hiện tại Công ty là một trong những nhà sản xuất và cung cấp dược phẩm hàng đầu tại Việt Nam.

Công ty đã có nhiều thay đổi trên các phương diện tổ chức nhân sự, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, khoa học công nghệ, thực hiện các dự án mang tầm quốc gia và của ngành, sớm nắm bắt nhu cầu điều trị của nhân dân. Hiện nay Công ty đang sản xuất trên 200 sản phẩm thuốc các loại như nhóm kháng sinh, thuốc hỗ trợ điều trị ung thư, thuốc sốt rét, thuốc tim mạch, thuốc tiểu đường, thuốc cảm sốt dị ứng, thuốc tăng cường chức năng gan và chống viêm gan, thuốc phong thấp loãng xương, thuốc thần kinh an thần, thuốc tăng cường tuần hoàn não, thuốc đường hô hấp, thuốc đường ruột cho trẻ em. Công ty đã sản xuất nhiều sản phẩm với chất lượng tốt, đủ sức cạnh tranh trong nước và xuất khẩu ra một số quốc gia khác.

Với tinh thần lao động sáng tạo không mệt mỏi và liên tục của các thể hệ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên công ty, từ ngày thành lập đến nay, công ty luôn đứng vững và phát triển với vai trò là một công ty đầu ngành trong lĩnh vực sản xuất và phân phối dược phẩm, đóng góp tích cực cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

- Từ 1971 – 1990: Công ty Dược liệu cấp 1 DNNN – trực thuộc Trung ương Bộ Y tế.
- Từ 1991 – 2004: Công ty Dược liệu Trung ương 1, từng bước chuyển mình từ DNNN thành Công ty cổ phần.
- Từ 2005 – 2010: Công ty thực hiện giai đoạn cổ phần hóa, chuyển đổi từ DNNN thành CTCP và thay đổi tên gọi “Công ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex”.

- Từ 2010 – 2017: Công ty từng bước đổi mới phát triển và đẩy mạnh hội nhập thị trường Dược trong và ngoài nước. Công ty đạt danh hiệu Top 500 Thương hiệu Việt.
- Từ 2017 – 2019: Giai đoạn khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường trong nước và vươn xa ra thế giới.
- Ngày 18/03/2020: Niêm yết cổ phiếu MED trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành



Hình 1. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành (Nguồn: Công ty)

Trụ sở chính Công ty đặt tại số 358 Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội. Công ty có 03 chi nhánh phụ trách bao tiêu sản phẩm của Công ty:

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex - tại Tp. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: số 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh
Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh thuốc, hóa dược và dược liệu
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex – tại Bắc Giang
Địa chỉ: Ngõ 25 đường Đặng Thị Nho, Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh thuốc, hóa dược và dược liệu
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Dược Trung ương Mediplantex – tại Mê Linh
Địa chỉ: thôn Trung Hậu - Xã Tiên Phong – Mê Linh – Hà Nội
Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu

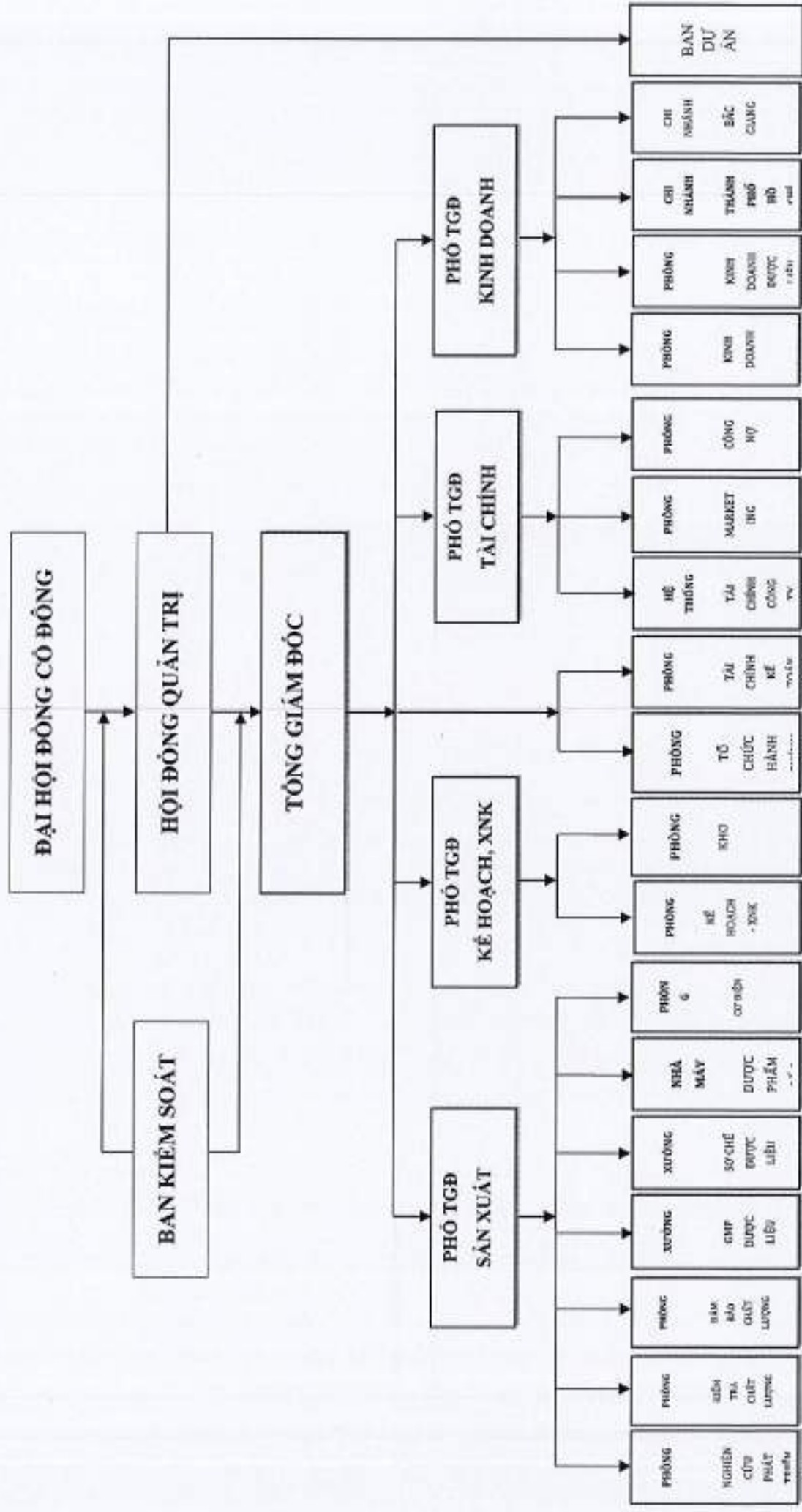
Mediplantex có 02 nhà máy sản xuất dược phẩm hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế GMP-WHO, với công suất đạt 800 triệu viên/năm:

- Nhà máy số 1 (sau này là Xưởng GMP Dược liệu) tại 356 Giải Phóng, Thanh Xuân, Hà Nội là cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP đầu tiên tại miền Bắc.
- Nhà máy Dược phẩm số 2 đặt tại thôn Trung Hậu - Xã Tiên Phong – Mê Linh – Hà Nội với diện tích gần 20.000 m². Đây là một trong những nhà máy có công nghệ sản xuất thuốc

hiện đại, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO với trang thiết bị hiện đại, đội ngũ công nhân lành nghề được các chuyên gia đầu ngành trong nước và quốc tế huấn luyện. Nhà máy bao gồm 01 phòng kiểm tra chất lượng hiện đại đạt tiêu chuẩn GLP và Hệ thống kho bảo quản với diện tích 10.000 m² đạt tiêu chuẩn quốc tế GSP.

Ngoài ra, Công ty còn có xưởng chiết xuất các nguyên liệu, bán tổng hợp các nguyên liệu làm thuốc từ dược liệu trong nước với trang thiết bị máy móc hiện đại.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành



Hình 2. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành (Nguồn: Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex)

Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex hoạt động theo mô hình công ty cổ phần có cơ cấu tổ chức gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ chức năng:

- Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan quyết định cao nhất của công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề liên quan, đến quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban kiểm soát: Là cơ quan do đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- Ban Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là người điều hành, có thẩm quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các công việc và nhiệm vụ được giao.
- Các phòng ban chức năng: Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chuyên môn do Ban Tổng Giám đốc giao.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành

- Không có

5.2. Công ty con của tổ chức phát hành

- Không có

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

- Trong năm 2020: Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Bảng 1. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Thời điểm	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi phát hành (đồng)	Phương thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
12/4/2005		17.000.000.000		Công ty thành lập và đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Góp vốn từ Tổng Công Ty Dược Việt Nam và 580 cổ đông.
25/05/2006	20.991.000.000	37.991.000.000	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ. - Số lượng cổ phiếu phát hành thêm : 209.910 cổ phiếu. - Mệnh giá : 100.000 đồng/CP. - Giá bán : 140.000 đồng/CP. - Đối tượng phát hành : CBCNV Công ty, các cổ đông, đối tác chiến lược (71 cổ đông). 	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên lần thứ nhất ngày 08/04/2006. - Biên bản họp HĐQT số 15/HĐQT ngày 26/04/2006. - Giấy Chứng nhận ĐKDN số 0103007436 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 18/10/2007.
7/11/2007	12.250.000.000	50.241.000.000	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức phát hành : Phát hành riêng lẻ. - Số lượng cổ phiếu phát hành thêm : 1.225.000 cổ phiếu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/09/2007. - Nghị quyết HĐQT số 1601/NQ-HĐQT ngày 16/10/2007.

			<ul style="list-style-type: none"> - Giá phát hành : 37.500 đồng/CP. - Đối tượng phát hành : Đối tác chiến lược (15 cổ đông). 	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0103007436 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 05 ngày 03/06/2008.
25/6/2012	12.559.950.000	62.800.950.000	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức phát hành : Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4 :1. - Số lượng cổ phiếu phát hành thêm : 1.255.995 cổ phiếu. - Số lượng cổ đông được nhận cổ phiếu thưởng : 581 cổ đông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 ngày 30/03/2012. - Thông báo của UBCKNN về việc nhận được tài liệu thông báo phát hành cổ phiếu thưởng của Công ty. - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu thưởng số 12/MED/2012 ngày 25/06/2012. - Giấy chứng nhận ĐKDN số 0103007436 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 14/03/2013.

Nguồn: Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

- Không có

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán : MED
Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu
Ngày bắt đầu niêm yết : 18/03/2020
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 6.280.095
Tổng số cổ phiếu quỹ : 0
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do : 6.280.095
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng : 0

Bảng 2. Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn điều lệ
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cổ phần trở lên)	4.369.986	69,585%
	Trong nước	4.369.986	69,585%
	Nước ngoài	-	-
2	Cổ đông khác	1.910.109	30,415%
	Trong nước	1.908.509	30,390%
	Nước ngoài	1.600	0,025%
3	Cổ phiếu quỹ	-	-

Tổng cộng	6.280.095	100.00%
------------------	------------------	----------------

Nguồn: Căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 29/03/2021

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 0%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty (nếu có): không có
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại: 0,025% (tương đương với 1.600 cổ phần, căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 29/03/2021)

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Sản phẩm Công ty cung ứng ra thị trường khoảng hơn 200 mặt hàng (bao gồm tự sản xuất và nhập khẩu). Các sản phẩm của Công ty được chia thành các loại sau: Dược phẩm; Dược liệu, các vị thuốc y học cổ truyền, nguyên liệu chiết xuất bán tổng hợp; Thực phẩm bảo vệ sức khỏe và một số sản phẩm khác (mỹ phẩm; tinh dầu, hương liệu các loại).

Các mặt hàng thuốc do Công ty sản xuất đã được Cục quản lý Dược Việt Nam cấp giấy phép sản xuất và lưu hành trên lãnh thổ Việt Nam và xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Trong đó có hơn 100 mặt hàng do Công ty sản xuất đã được Cục sở hữu Công nghiệp Việt Nam công nhận và bảo hộ sở hữu công nghiệp.

Với công nghệ bào chế hiện đại kết hợp với kinh nghiệm y học cổ truyền, Công ty đã đưa vào sản xuất nhiều loại thuốc có nguồn gốc thảo dược và đông dược mang thương hiệu Mediplantex được khách hàng đánh giá cao như: Thuốc hoạt huyết dưỡng não Cerecaps; Thuốc trị viêm xoang Esha, Thuốc trị khớp Phong Đan, Thuốc hỗ trợ điều trị Ung thư Mediphyllamin..

- Dược phẩm của Công ty gồm các sản phẩm như: Thuốc đông dược; Thuốc giảm đau hạ sốt; Thuốc kháng sinh, virus; Thuốc tuần hoàn não, tim mạch, phổi; Thuốc cầm máu; Thuốc tiểu đường, gút; Thuốc dị ứng, xương khớp; Thuốc sốt rét; Acid amin, Vitamin và khoáng chất; Thuốc trị viêm loét dạ dày, tá tràng.
- Dược liệu dùng làm nguyên liệu đầu vào cho các dạng thuốc thang và các dạng bào chế khác của thuốc Đông y, thuốc từ Dược liệu: A giao, bá tử nhân, bách bệnh, bạch biển đậu, bách hợp, bạch linh, bạch phụ tử, bạch cập, bạch chi, bạch đậu khấu, a giao, actiso, ba kích, ...
- Thực phẩm bảo vệ sức khỏe của Công ty gồm các sản phẩm như: Chăm sóc sức khỏe; Làm đẹp; Bổ gan; ...
- Sản phẩm tinh dầu của công ty gồm các sản phẩm như: Tinh dầu bạc hà; Tinh dầu hồi; Tinh dầu trầm; Tinh dầu húng quế; Tinh dầu sả; Tinh dầu quế.

10.1.2. *Tình thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh*

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

10.1.3. *Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ*

a) Năng lực sản xuất

• Nhà máy sản xuất

Hai nhà máy sản xuất dược phẩm (Xưởng GMP Dược liệu và nhà máy tại thôn Trung Hậu, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội) được đầu tư hệ thống máy móc hiện đại, đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, công suất đạt 800 triệu viên/năm. Tiêu chuẩn GMP-WHO bao gồm những nguyên tắc chung, những quy định, hướng dẫn các nội dung cơ bản về điều kiện sản xuất; áp dụng cho các cơ sở sản xuất, gia công, đóng gói thực phẩm, dược phẩm, thiết bị y tế, mỹ phẩm ..., nhằm đảm bảo sản phẩm đạt chất lượng và an toàn.

Công ty là đơn vị tiên phong đi đầu trong sản xuất các loại thuốc tân dược, các thuốc có nguồn gốc từ y học cổ truyền dược bào chế hiện đại phục vụ tiêu dùng cả nước và xuất khẩu. Nhà máy số 2 có khả năng sản xuất đa dạng từ viên nén, bột thuốc đóng túi, viên nang cứng, viên nang mềm ép vi hay đóng lọ tới thuốc nước đóng chai, tất cả đều hướng tới chất lượng cao cho người tiêu dùng.

Doanh thu sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng nhà máy, xưởng sản xuất như sau:

Bảng 3. Doanh thu sản xuất kinh doanh của Công ty tại từng nhà máy

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nhà xưởng	Doanh thu năm 2020
1	Nhà máy số 1	99.358
2	Nhà máy số 2	166.900
3	Xưởng Chế biến Dược liệu	57.255
4	Xưởng chế biến Dược liệu Tp. Hồ Chí Minh	30.995
Tổng		354.508

Nguồn: Công ty

Năm 2021, Công ty đặt kế hoạch sản lượng sản xuất của 2 nhà máy là gần 575 triệu viên/túi/túp thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, dược liệu. Để hoàn thành mục tiêu đó, Hội đồng quản trị Công ty đề ra nhiệm vụ kịp thời chỉ đạo bộ máy điều hành có phương hướng hoạt động hợp lý, tăng cường quản trị các mục tiêu kinh tế và quản trị doanh nghiệp, tổ chức hệ thống điều hành hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành, Ban kiểm soát chỉ đạo các hoạt động kiểm tra, kiểm soát minh bạch công nợ, các loại chi phí, hiệu quả sử dụng vốn, ... Ban Điều hành tập trung cùng cố, phát triển sản xuất tại các nhà máy trên cơ sở định vị các sản phẩm chiến lược một cách khoa học, bài bản, mạnh dạn, xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, cạnh tranh. Cán bộ nhân viên tăng cường trau dồi kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ, làm việc với tinh thần “Nhà thuốc là trái tim của cộng đồng, chúng tôi cùng nhau mang đến các sản phẩm phù hợp nhất cho khách hàng của mình” và nêu cao khẩu hiệu “Đoàn kết tạo sức mạnh, gắn kết để thành công”.

- **Công nghệ sản xuất**

Nhà máy số 2 được đầu tư công nghệ sản xuất thuốc hiện đại, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO với trang thiết bị hiện đại, đội ngũ công nhân lành nghề được các chuyên gia đầu ngành trong nước và quốc tế huấn luyện. Công ty bao gồm 02 phòng kiểm tra chất lượng hiện đại đạt tiêu chuẩn GLP và Hệ thống kho bảo quản với diện tích 10.000 m² đạt tiêu chuẩn quốc tế GSP.

Hiện nay, Công ty đang đầu tư xây dựng dự án Trung tâm KHCN Dược và nhà máy ứng dụng sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn GMP EU với diện tích đầu tư lên đến 30.300 m², chuyên sản xuất sản phẩm dược phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Công nghệ sản xuất chính của dự án bao gồm các công nghệ nano, công nghệ sản xuất nguyên liệu liposome (Polymer) và công nghệ chiết xuất siêu tới hạn các hoạt chất từ dược liệu.

Song song với việc nâng cấp về công nghệ thì các quá trình bảo chế cũng được Công ty nâng cấp tiêu chuẩn từ GMP-WHO lên GMP-EU để đón đầu xu thế phát triển cũng như mở rộng thị trường sang các nước thuộc khối EU.

b) Sản lượng các sản phẩm chính

Hiện nay, Công ty đang sản xuất và kinh doanh hơn 200 mặt hàng dược phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, dược liệu và các sản phẩm mỹ phẩm, tinh dầu khác. Doanh thu chủ yếu đến từ nhóm sản phẩm Dược phẩm và Thực phẩm bảo vệ sức khỏe như:

Nhóm hàng dược phẩm:

- Thuốc hoạt huyết dưỡng não, Hỗ trợ phòng và điều trị bệnh thiếu máu não CERECAPS (Hộp 3 vỉ x 10 viên);
- Thuốc kháng viêm Alphachymotrypsin vỉ 10 viên;
- Thuốc Prednison (Lọ 1000 viên Robinson);
- Thuốc điều trị bệnh phong thấp, đau dây thần kinh tọa TUZAMIN (H/3vỉ x 10 viên);
- Thuốc khớp PHONG DAN (Hộp 3 vỉ x 10viên);
- Thuốc điều trị điều trị viêm gan, xơ gan, men gan tăng Silymax Complex (Hộp 6 vỉ x 10 viên);
- Thuốc điều trị nhiễm trùng Althax (Hộp 3 vỉ x 10 viên) MEDI.
- Thuốc MEDIPHYLAMIN 250mg và MEDIPHYLAMIN 500mg, MEDIPHYLAMIN Siro bổ sung dưỡng chất, hỗ trợ quá trình điều trị ung thư, tăng cường sinh lực, thể lực;

Nhóm hàng thực phẩm bảo vệ sức khỏe:

- Thực phẩm bảo vệ sức khỏe Tinh sâm nhung bổ thận Dược liệu TW 1, Đông trùng hạ thảo nhân sâm, TPBVSK hỗ trợ điều trị mắt Ataxavi Vision New, Biotin, Liginton hộp 5 vỉ x10 viên, Omega 3, Adammax lọ 60 viên bổ thận trợ dương...

Bảng 4. Danh mục thuốc tiêu biểu

Đơn vị tính: Doanh thu: triệu đồng; Số lượng: viên

STT	Tên sản phẩm	Năm 2020			9 tháng đầu năm 2021		
		Số lượng	Doanh thu	Tỷ lệ	Số lượng	Doanh thu	Tỷ lệ
1	CERECAPS (Hộp3vỉ x 10viên) MEDI	40.342.096	60.982	18,5%	14.905.950	21.344	10.2%
2	Alphachymotrypsinvi10vMEDI	112.509.000	21.962	6,6%	75.748.500	14.396	6.9%
3	Prednison (Lọ 1000v Robinson)MEDI	65.854.547	9.673	2,9%	63.581.817	9.232	4.4%
4	TUZAMIN (H/3vỉx10 viên) MEDI	6.905.500	9.131	2,8%	4.364.730	5.456	2.6%

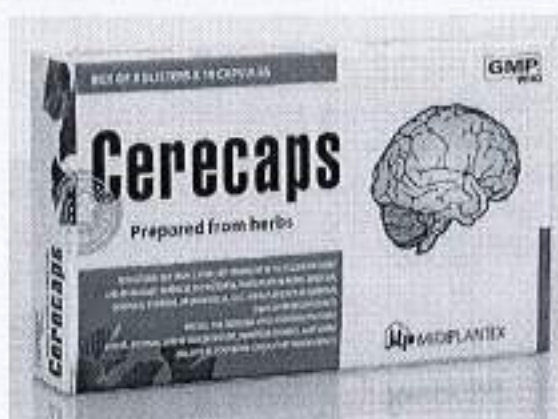
5	PHONG DAN (Hộp 3vi x10viên) MEDI	7.250.560	12.589	3,8%	4.190.290	6.468	3.1%
6	Silymax Complex (Hộp 6vi x 10v)MEDI	8.639.520	8.894	2,7%	4.378.530	4.663	2.2%
7	MEDIPHYLAMIN 250mg MEDI	9.278.280	8.728	2,6%	5.941.020	3.978	1.9%
8	Althax (Hộp 3 vi x 10 viên)MEDI	5.984.610	4.518	1,4%	4.649.010	3.510	1.7%
9	MEDIPHYLAMIN 500mg MEDI	4.103.360	5.525	1,7%	2.035.600	2.391	1.1%

Nguồn: Công ty

Trong năm 2020 và sáu tháng đầu năm 2021, sản phẩm thuốc hoạt huyết dưỡng não, hỗ trợ phòng và điều trị bệnh thiếu máu não CERECAPS (Hộp 3 vi x 10 viên) là sản phẩm chiếm tỷ trọng doanh thu lớn nhất trong các mặt hàng mà Công ty sản xuất kinh doanh, chiếm 18,5% doanh thu năm 2020 và chiếm 10,8% doanh thu 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty. Tiếp theo đó là mặt hàng Thuốc kháng viêm Alphachymotrypsin vi 10 viên (chiếm 7,3% doanh thu 6 tháng đầu năm 2021 Công ty); Thuốc Prednison (Lọ 1000 viên Robinson) (chiếm 4,7% doanh thu 6 tháng đầu năm 2021); Thuốc điều trị bệnh phong thấp, đau dây thần kinh tọa TUZAMIN (H/3vi x 10 viên) (chiếm 3,4%), sau đó là các mặt hàng thuốc Silymax Complex; PHONG DAN (Hộp 3 vi x10viên); MEDIPHYLAMIN 250mg & 500mg MEDI; Althax (Hộp 3 vi x 10 viên).

Thông tin về một số sản phẩm dược phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe của Công ty như sau:

- **Thuốc hoạt huyết dưỡng não, Hỗ trợ phòng và điều trị bệnh thiếu máu não CERECAPS (Hộp 3 vi x 10 viên) :**



Hình 3. Thuốc hoạt huyết dưỡng não CERECAPS (Hộp 3 vi x 10 viên)

Thuốc hoạt huyết dưỡng não, Hỗ trợ phòng và điều trị bệnh thiếu máu não CERECAPS (Hộp 3 vi x 10 viên) được chiết xuất từ chứa 10 dược liệu, xuất xứ từ bài thuốc cổ phương "Huyết phủ trục ứ thang" như cao khô Hoa hồng, cao khô Xích thực, cao khô Đương quy, cao khô Xuyên khung, cao khô Sinh địa, cao khô Chi xác, cao khô Sài hồ, cao khô Ngưu tất, cao khô Cam

thảo, cao khô Bạch quả. Cerecaps được nghiên cứu lâm sàng với 94% bệnh nhân cải thiện triệu chứng rất tốt, khẳng định được hiệu quả điều trị cũng như tính an toàn của thuốc trong điều trị thiếu máu não.

Chỉ định:

- Suy giảm trí nhớ, đau đầu, hoa mắt chóng mặt, hay cáu gắt ở người có tuổi, mất ngủ, hay ngủ mê, hay ngủ gà, ngủ gật (do thiếu năng tuần hoàn não).
 - Thiếu máu, sạm da, đứng lên ngồi xuống hay bị chóng mặt.
 - Làm việc trí óc nhiều, căng thẳng, mệt mỏi, mất tập trung, chóng tê bì, nhức mỏi chân tay (do thiếu năng tuần hoàn ngoại vi).
- **Thuốc kháng viêm Alphachymotrypsin vi 10 viên:**



Hình 4. Thuốc kháng viêm Alphachymotrypsin vi 10 viên

Quy cách đóng gói: 20 vỉ x 10 viên/hộp

Chỉ định: Các trường hợp phù nề do chấn thương, làm giảm và mất các bục máu ở da. Các trường hợp bong gân; Khoa tai mũi họng: các chứng viêm tai kết dính, viêm xoang.

- **Thuốc Prednison (Lọ 1000 viên Robinson):**

Quy cách đóng gói: Chai 1000 viên

Chỉ định: Viêm khớp dạng thấp, lupút ban đỏ toàn thân, một số thể viêm mạch; viêm động mạch thái dương và viêm quanh động mạch nút, bệnh sarcoid, hen phế quản, viêm loét đại tràng, thiếu máu tan huyết, giảm bạch cầu hạt, và những bệnh dị ứng nặng gồm cả phản vệ; Ung thư, như bệnh bạch cầu cấp, u lympho, ung thư vú và ung thư tuyến tiền liệt ở giai đoạn cuối.

- **Thuốc TUZAMIN (H/3vi x 10 viên):**



Hình 5. Thuốc Tuzamin

Quy cách đóng gói: Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng

Chỉ định: Trị phong thấp, đau lưng, đau dây thần kinh tọa, đau các khớp, đau cột sống.

- **Thuốc MEDIPHYLAMIN 500mg**

Quy cách đóng gói: Hộp 10 vỉ x 10 viên

Mediphyllamin được chiết xuất từ thực vật *Azolla microphylla*, là hỗn hợp các acid amin, vitamin, nguyên tố vi lượng, các Flavonoid, Phytosteroid, Carotenoit, thu được bằng phương pháp chiết suất theo công nghệ đặc biệt.

Công dụng:

- Bổ sung dưỡng chất, tăng cường sinh lực, thể lực.
- Cung cấp các acid amin, vitamin, các nguyên tố vi lượng làm thúc đẩy hoạt động của tế bào, giúp cơ thể khỏe mạnh, nâng cao trí lực, phục hồi sức khỏe, chống suy nhược, mệt mỏi.
- Tăng Potein máu toàn phần, tăng hemoglobin máu.
- Tăng lymphocyte trong máu ngoại vi, tăng cường hệ miễn dịch.
- Giúp hạ cholesterol máu, hạ triglyceride máu.
- Tăng cường hệ miễn dịch, Hỗ trợ điều trị ung thư.
- Hạn chế cơn đau của bệnh nhân ung thư, giảm số lượng dùng thuốc giảm đau.
- Giúp bệnh nhân khỏe hơn, giảm sút cân ít, hồi phục sức khỏe nhanh hơn sau quá trình tia xạ, hóa trị.
- Giảm các tác hại của tia xạ trong điều trị ung thư bằng xạ trị và hóa trị.

- Tăng khả năng chịu được tia xạ trong thời gian điều trị.
- Làm chậm sự phát triển của các khối u, giảm di căn, kéo dài thời gian sống ở bệnh nhân ung thư.

Chỉ định:

- Dùng cho người lớn: người mới ốm dậy, người bệnh, bệnh nhân sau phẫu thuật, các trường hợp mệt mỏi, chán ăn, suy nhược cơ thể do tuổi tác, lao động, học tập, thể thao gắng sức, phụ nữ cho con bú, người cao tuổi.
- Dùng cho trẻ nhỏ: trẻ biếng ăn, chậm lớn, trẻ bị suy dinh dưỡng, suy nhược cơ thể, trẻ sau khi ốm dậy, trẻ bị rối loạn sự hấp thu hoặc tăng nhu cầu về các acid amin, khoáng chất.
- Dùng cho bệnh nhân đang điều trị ung thư giúp làm giảm thiểu tác hại của tia xạ và hóa trị liệu, làm chậm sự phát triển khối u, kéo dài thời gian sống ở bệnh nhân ung thư.



Hình 6. Hình ảnh thuốc MEDIPHYLAMIN 500mg

• **Thực phẩm bảo vệ sức khỏe ATAXAVI Vision New**

Quy cách đóng gói: Hộp 3 vỉ x 10 viên

Công dụng: Bổ sung các chất cho mắt: Vitamin A, Vitamin B12, astaxathin, lutein: giúp bảo vệ mắt, tăng cường thị lực, hỗ trợ hạn chế lão hóa mắt, giảm nguy cơ thoái hóa điểm vàng.

Đối tượng sử dụng: Người thường xuyên làm việc với máy tính, quáng gà, người mỏi mắt, khô mắt, đau nhức mắt, người cao tuổi, giảm thị lực.



Hình 7. Hình ảnh thực phẩm bảo vệ sức khỏe ATAXAVI Vision New

• **Thực phẩm bảo vệ sức khỏe ADAMMAX**

Quy cách đóng gói: Hộp 30 viên, 60 viên, 100 viên

Công dụng: Giúp bổ thận, trợ dương, bổ khí huyết, tăng cường sinh lực, nâng cao sức đề kháng và giảm mệt mỏi

Đối tượng sử dụng: Nam giới trên 18 tuổi

- Người thận yếu, khí huyết kém
- Người suy nhược cơ thể, làm việc căng thẳng, mệt mỏi, làm việc với cường độ cao, người cao tuổi



Hình 8. Hình ảnh thực phẩm bảo vệ sức khỏe ADAMMAX

• **Thực phẩm bảo vệ sức khỏe TINH SÂM NHUNG BỔ THẬN DƯỢC LIỆU TW1**

Quy cách đóng gói: Hộp 2 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 1 lọ x 30 viên

Công dụng: Bổ thận, tăng cường sinh lực, giảm mệt mỏi, nâng cao sức đề kháng, hỗ trợ tăng cường sinh lý.

Đối tượng sử dụng: Người thận kém, sinh lý yếu. Người thể lực kém sức đề kháng kém. Người mệt mỏi, suy nhược cơ thể.



Hình 9. Hình ảnh thực phẩm bảo vệ sức khỏe **TINH SÂM NHUNG BỔ THẬN DƯỢC LIỆU TWI**

10.2. Tài sản

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Đối với TSCĐ hữu hình, nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp. Đối với TSCĐ vô hình, nguyên giá được xác định theo giá gốc.

Bảng 5. Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại 31/12/2020 và 30/09/2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá		Giá trị hao mòn lũy kế		Giá trị còn lại	
	31/12/2020	30/09/2021	31/12/2020	30/09/2021	31/12/2020	30/09/2021
Nhà xưởng và vật kiến trúc	59.211	58.634	32.345	34.060	26.865	24.574
Máy móc thiết bị	83.149	81.888	65.873	68.151	17.275	13.737
Phương tiện vận tải	15.349	13.053	8.086	7.361	7.263	5.691
Thiết bị văn phòng	1.182	799	1.091	570	92	229
TSCĐ khác	124	124	97	104	27	20
Tổng cộng	159.016	154.498	107.493	110.246	51.523	44.252

Nguồn: BCTC năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC quý 3/2021 của Công ty

Bảng 6. Tài sản cố định vô hình của Công ty tại 31/12/2020 và 30/09/2021

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá		Giá trị hao mòn lũy kế		Giá trị còn lại	
	31/12/2020	30/09/2021	31/12/2020	30/09/2021	31/12/2020	30/09/2021
Quyền sản xuất	876	-	554	-	321	-
Phần mềm máy tính	270	270	270	270	-	-
Tổng cộng	1.146	270	825	270	321	-

Nguồn: BCTC năm 2020 đã được kiểm toán, BCTC quý 3/2021 Công ty

10.3. Thị trường hoạt động

Doanh thu sản phẩm dược phẩm, thực phẩm chăm sóc sức khỏe, Sản phẩm dược liệu đã qua sơ chế chế biến của Công ty chủ yếu từ kênh Bán hàng cất Lô (Bán buôn), Kênh gia Công sản xuất cho các Công ty phân phối, Xuất khẩu và kênh ETC, OTC.

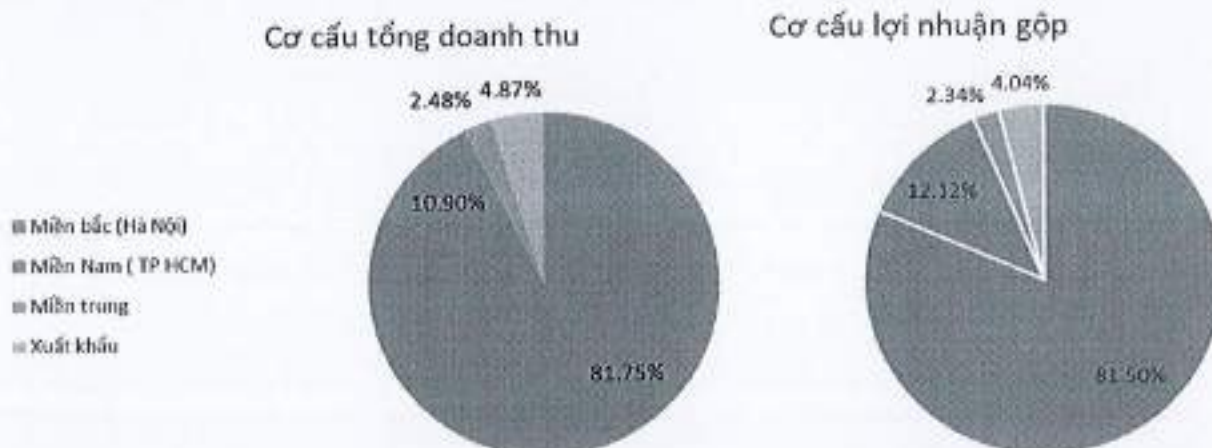
Công ty hoạt động chủ yếu tại 4 thị trường: thị trường Miền Bắc, thị trường Miền Nam, Miền trung và Xuất khẩu. Trong cơ cấu doanh thu theo thị trường, Miền bắc (Hà Nội) là khu vực chiếm tỷ trọng lớn nhất với 86,93% tổng doanh thu năm 2019 và 81,75% tổng doanh thu năm 2020. Xếp thứ hai là thị trường Miền Nam (TP HCM), chiếm 7,5% tổng doanh thu năm 2019 và 10,90 % tổng doanh thu năm 2020. Khu vực Miền trung và Xuất khẩu chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu, tổng cộng chưa đến 5,6% trong năm 2019 và 7,36% trong năm 2020. Tổng doanh thu năm 2020 của Công ty giảm 28,4% so với năm 2019, trong đó khu vực Hà Nội giảm 32,69% và thị trường Miền Nam (TP HCM) tăng nhẹ 3,88%.

Bảng 7. Thị trường hoạt động

Đơn vị tính: triệu đồng

Khu vực	Tổng doanh thu		Lợi nhuận gộp	
	2019	2020	2019	2020
Miền bắc (Hà Nội)	633.235	426.231	151.888	95.245
Miền Nam (TP HCM)	54.689	56.809	12.089	14.170
Miền trung	16.053	12.934	2.746	2.735
Xuất khẩu	24.492	25.415	4.396	4.720
Tổng	728.470	521.390	171.120	116.871

Nguồn: Công ty



10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

10.4.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020

- Do thay đổi định hướng của Hội đồng quản trị trong mô hình quản lý hoạt động kinh doanh từ bán hàng trực tiếp trong hệ thống ETC và OTC sang Bán hàng lô sản phẩm cho các nhà phân phối, các đối tác gia công cắt lô. Và từ đó cũng dẫn đến thay đổi cơ cấu mặt hàng kinh doanh để phù hợp với từng giai đoạn nên doanh số và sản lượng của một số mặt hàng có nhiều biến động.
- Kết hợp các hoạt động phân phối hàng hóa, chăm sóc khách hàng tại các tỉnh thành trong cả nước thông qua các Công ty phân phối như Medi Miền Nam, Daquangphar, Medi Miền Bắc.

Bảng 8. Chỉ tiêu kế hoạch và tỷ lệ hoàn thành sản lượng 2020

Đơn vị: triệu đơn vị sản phẩm

Đơn vị sản xuất	Sản lượng kế hoạch	Sản lượng nhập kho	Tỷ lệ hoàn thành (%)
Tổng sản lượng	637.389	613.228	96,2
Nhà máy số 2	521.278	512.504	98,3
Xưởng GMP Dược liệu	116.111	100.724	86,7

Nguồn: Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex

Năm 2020, Một số nhà cung cấp nằm trong vùng có dịch bệnh Covid 19 đã không đáp ứng được nhu cầu đặt hàng và giao hàng đúng thời gian của Công ty dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bị gián đoạn do thiếu nguyên liệu phục vụ sản xuất, giá nguyên vật liệu biến động liên tục theo xu hướng tăng giá. Trước những khó khăn đó, Công ty vẫn duy trì sản xuất ổn định ở các đơn vị sản xuất với tổng sản lượng đạt 613 triệu đơn vị sản phẩm. Trong đó Xưởng GMP Dược liệu đạt khoảng 09 triệu đơn vị sản phẩm/tháng, Nhà máy Dược phẩm số 2 đạt gần 50 triệu đơn vị sản phẩm/tháng. Nhà máy và các xưởng sản xuất gần như đạt được tương đối theo kế hoạch sản xuất đề ra của năm 2020 (tỷ lệ thực hiện 87,7% – 95%).

Trước những thách thức vĩ mô của diễn biến kinh tế trong và ngoài nước bởi dịch bệnh Covid-19 khiến giao thương đình trệ, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, tuy nhiên Công ty đã đạt được những con số đáng ghi nhận: Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 đạt 522.972.825.165 đồng, đạt 94,11% so với kế hoạch năm 2020, lợi nhuận sau thuế Công ty năm 2020 đạt 24.421.999.701 đồng, nguyên nhân đến từ việc:

- Môi trường cạnh tranh gay gắt, các doanh nghiệp tham gia hoạt động trong ngành dược ngày càng nhiều, đặc biệt sức ép cạnh tranh từ các Công ty Dược nước ngoài.
- Dịch Covid 19 cũng là nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu bán hàng giảm. Dịch bệnh khiến việc khám chữa bệnh ở các bệnh viện giảm mạnh ảnh hưởng việc kinh doanh đối với kênh ETC. Đây là kênh kinh doanh chính của công ty.
- Tuy thương hiệu của Công ty uy tín, chất lượng sản phẩm tốt được khách hàng tin dùng nhưng sản phẩm cạnh tranh, sản phẩm tương tự với giá rẻ hơn được tung ra thị trường ngày càng nhiều ảnh hưởng đến doanh thu (đối thủ của các sản phẩm như Cerecaps, Tuzamin, Mediphylamin, ...).

Để ngày càng phát triển trên thị trường cộng thêm yêu cầu về quản lý, nâng cao chất lượng ngày càng cao dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp ngày càng lớn. Không những thế, dịch bệnh diễn biến phức tạp ảnh hưởng rất nhiều đến chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy khiến Lợi nhuận trước thuế toàn công ty đạt 87,91% (30.984.042.789 đồng) so với kế hoạch năm 2020.

Ngoài ra Công ty đã tăng cường thu hồi công nợ để giảm chi phí vay ngân hàng, rà soát, cắt giảm những chi phí không cần thiết để tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

Bảng 9. Kế hoạch và thực hiện các chỉ tiêu 2020

Đơn vị: đồng

STT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ TH/KH (%)
I	Sản xuất công nghiệp	397.117.095.482	354.508.073.700	89,27%
1	Nhà máy số 1	113.214.400.596	99.358.338.610	87,76%
2	Nhà máy số 2	176.775.700.611	166.899.776.177	94,41%
3	Xưởng chế biến Dược liệu	107.126.994.275	88.249.958.913	82,38%
II	Doanh thu	555.676.369.410	522.972.825.165	94,11%
III	Giảm trừ doanh thu	-	1.582.252.172	-
	Giá vốn hàng bán	411.330.907.360	404.518.756.726	98,34%
IV	Lợi nhuận gộp	144.345.462.050	116.871.816.267	80,97%
	Doanh thu hoạt động tài chính	-	5.419.151.155	-
V	Tổng cộng chi phí; trong đó:	-	96.098.367.320	-
1	Chi phí tài chính	-	6.447.290.832	-
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	51.190.948.136	-
3	Chi phí bán hàng	-	38.460.128.352	-
VI	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	26.192.600.102	-
1	Thu nhập khác	-	5.088.039.493	-
2	Chi phí khác	-	296.596.806	-
VII	Lợi nhuận khác	-	4.791.442.687	-
VIII	Lãi trước thuế toàn Công ty	35.245.148.075	30.984.042.789	87,91%

Nguồn: Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex

10.4.2. Về chất lượng sản phẩm

Dược phẩm là ngành sản xuất và kinh doanh có điều kiện do ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của con người vì vậy Công ty luôn đảm bảo sản xuất và kinh doanh những sản phẩm có chất lượng cao

và an toàn cho người sử dụng. Do đó việc kiểm soát chất lượng sản phẩm luôn được công ty đặt lên hàng đầu. Công ty có bộ phận kiểm tra chất lượng đạt tiêu chuẩn GLP với trang thiết bị hiện đại, đội ngũ kiểm nghiệm viên giàu kinh nghiệm, giỏi chuyên môn nghiệp vụ. Tất cả các mẫu kiểm nghiệm đều được thực hiện theo đúng quy định của GMP. Mỗi năm Công ty thực hiện kiểm nghiệm hàng nghìn mẫu tất cả các mẫu nghiệm nghiệm đều đạt độ chính xác cao.

10.4.3. Về công tác đăng ký sản phẩm

- Trong năm 2020, Công ty đã nộp hồ sơ tại cục quản lý Dược cho tổng số 15 hồ sơ đăng ký mới, 77 hồ sơ gia hạn 5 năm, 152 hồ sơ thay đổi, bổ sung, cập nhật.
- Tổng số sản phẩm đăng ký mới: 32 sản phẩm (TPBVSK, mỹ phẩm). Vị thuốc YHCT được cấp số đăng ký mới 12 hồ sơ.
- Tổng số sản phẩm được cấp số đăng ký lại: 3 sản phẩm thuốc.
- Xin duy trì hiệu lực số đăng ký 38 sản phẩm thuốc và 17 vị dược liệu.
- Hồ sơ thay đổi bổ sung được phê duyệt 27 hồ sơ.

10.4.4. Về công tác nghiên cứu – triển khai các sản phẩm

- Tổng số sản phẩm mới đã triển khai: 29 sản phẩm.
- Triển khai cải tiến 09 sản phẩm.
- Số sản phẩm bàn giao cho nhà máy 9 sản phẩm.
- Tiến hành thẩm định 07 Quy trình sản xuất.
- Đang tiến hành nghiên cứu độ ổn định 10 sản phẩm sản xuất.

10.4.5. Tình hình đầu tư dự án của Công ty

Tên dự án: Trung tâm KHCN Dược và nhà máy ứng dụng sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn GMP EU

- Địa điểm xây dựng: Khu công nghệ cao Hòa lạc
- Diện tích đầu tư: 30.300 m²
- Các thủ tục pháp lý đã hoàn thiện:

Căn cứ quyết định cấp phép dự án đầu tư của Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa lạc ký năm 2019, đến nay Công ty đã thực hiện các hồ sơ:

+ Đã có quyết định giao đất, ký hợp đồng thuê đất.

- + Đã được phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng, Phê duyệt thiết kế cơ sở.
- + Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, phê duyệt phương án PCCC.
- + Đã có quyết định thẩm duyệt hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (Giấy phép xây dựng)
- + Từ tháng 12/2020 Công ty đã tiến hành thi công các hạng mục xây dựng, dự kiến hết quý 2 năm 2022 sẽ hoàn thiện phần xây dựng và sẽ triển khai việc lắp đặt thiết bị.

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 10. Danh sách khách hàng lớn của Công ty năm 2019, 2020 và 2021

Đơn vị: đồng

STT	Tên	Số Hợp đồng	Giá trị HD (chưa VAT)	Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/dịch vụ
1	Công ty Cổ phần Dược Mediplantex Miền Nam	HDNT 01/2020 MEDI/MN	72.888.909.000	01/10/2020	Năm 2020	Nhóm sản phẩm
		HĐNT 03/2021 MEDI/MN	56.266.975.000	22/02/2021	Năm 2021	Nhóm sản phẩm
2	Cty CP Dược Medi Miền Bắc	HĐNT03/202 0/MEDI-MB	43.759.175.550	01/10/2020	Năm 2020	Nhóm sản phẩm
		HĐNT01/202 1/MEDI-MB	53.811.580.000	22/02/2021	Năm 2021	Nhóm sản phẩm
3	Công ty Cổ phần Dược Medi Hà Nội	01/2020/BIO TIN-HN	240.000.000	09/10/2020	30/11/2020	BIOTIN
		01/2019/SEA BELLA	225.000.000	16/01/2020	30/09/2020	SEABELLA
		01/2021/BIO TIN/MEDI- HN	220.000.000	18/01/2021	31/03/2021	BIOTIN
		01/2021/EYE	217.600.000	03/02/2021	30/04/2021	ERY

		HTTC99/ME DI				
		01/2021/SEA BELLA/ME DI	113.760.000	15/04/2021	30/06/2021	SEABELLA
4	Công ty TNHH ROBINSON Pharma USA	01/2019/ME DI-PHTU	13.834.260.000	22/11/2018	T1-12/2019	PREDNISON
		01/2019/PAR A650	397.980.000	06/03/2019	9/1/19	PARACETAM ON
		01/2020/CAL CID	741.818.460	20/07/2020	Tháng 9/2020 đến 7/2021	CALCI D
		01/2020/ME DI-PHTU	9.626.760.000	12/01/2020	T2/2020 - T11/2020	PREDNISON
		01/2020/ME DI650	207.781.200	07/10/2020	T11/2020	PARACETAM ON
		02/2021/PRE DNISON	9.249.240.000	08/01/2021	T5/2021 - T12/2021	PRED
		01/2021MED I/TRIA	408.034.000	12/10/2020	T3/2021	TRIAMICIN
		01/2021/VIT AD	630.000.063	21/01/2021	T5+9+11/2 021	VITAMIN D
5	Công ty CP Dược phẩm và TBYT Đông Nam Á	03/2019ASE VIC	3.756.000.000	10/01/2019	T1-3/2020	ASEVIC
		DURTIVE01/ 2019	510.000.000	28/11/2018	T4-5/2019	DURTIVE
		ASEKY02/20	409.091.000	08/06/2020	T10-	ASEKY

		20			11/2020	
		BABY02/2020	492.000.000	25/05/2020	T10-12/2020	BABY
		03/2020ESO	340.000.000	20/05/2020	T9/2020	ESOME
		ASEKY01/2021	409.091.000	15/01/2021	T4-5/2021	ASEKY
		MAXXSKIN02/2021	438.000.000	28/10/2020	T3-4/2021	MAXXSKIN
6	Công ty cổ phần DAQUANGPHAR	01/2019/ME D-DN	19.875.000.000	10/02/2019	1 NĂM	Nhóm sản phẩm
		02/2020/ME D-DQ	18.870.905.000	22/02/2021	1 NĂM	Nhóm sản phẩm
		02/2021/ME D-DQ	14.487.625.000	22/02/2021	1 NĂM	Nhóm sản phẩm
7	Công ty TNHH một thành viên Dược Phẩm An Hy	01/2021/ALP HA/MED-AH	1.437.310.350	16/12/2020	Tháng 12/2020	Nhóm sản phẩm
		01/2021/ALP HA/MED-AH	3.611.622.840	18/01/2021	Tháng 1.2/2021	Nhóm sản phẩm
		02/2021/ALP HA/MED-AH	2.174.054.400	02/08/2021	Tháng 2.3/2021	Nhóm sản phẩm
8	Công ty cổ phần công nghệ hóa dược Quốc tế Tây Âu	24/2019/SIL YMAXCOMPLEX/MED-HV	4.092.795.000	22/08/19	Tháng 6/2019	SILYMAXCOMPLEX

	18/2020/SIL YMAXCOM PLEX/MED- HV	5.261.760.000	05/06/2020	Tháng 6/2020	SILYMAXCO MPLEX
	02/2021/SIL YMAXCOM PLEX/MED- HV	1.320.480.000	06/01/2021	Tháng 3/2021	SILYMAXCO MPLEX

Nguồn: Công ty

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 11. Danh sách nhà cung cấp lớn của năm 2019, 2020 và 2021

Đơn vị: đồng

STT	Tên	Số Hợp đồng	Giá trị HD	Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/DV
1	Công ty TNHH Thiên Ân Dược	01.2/2021	1.561.717.500	2/1/2021	2021	Dược liệu
		02.2/2021	2.575.225.000	2/3/2021	2.021	Dược liệu
		03.2/2021	2.506.434.000	20/2/2021	2.021	Dược liệu
		01.3/2021	2.050.650.000	3/10/2021	2021	Dược liệu
		02.4/2021	1.316.248.500	23/4/2021	2021	Dược liệu
		01.5/2021	3.030.289.500	13/05/2021	2021	Dược liệu
2	Công ty TNHH thương mại và sản xuất Đông Âu	34/HĐNT/2019-2020	308.008.459	Từ 22/12/2018	Đến 31/12/2020	Màng nhôm, PVC, màng phức hợp, túi phức hợp...
		18/HĐNT/2021-2023	489.966.950	Từ 1/12/2020	Đến 31/12/2023	
3	Công ty TNHH Hóa dược Hoài Phương	01/HĐĐKT/2019-HP-MDPLT	2.936.510.850	9/7/2019	2019	Nguyên liệu
		01/HĐKT/2020-HP	2.936.510.850	12/02/2020	2020	Nguyên liệu

		02/HDKT/2020-HP	2.936.510.850	14/2/2020	2020	Nguyên liệu
4	Công ty cổ phần Bao bì và in Nông Nghiệp	1-2019/DTW-APP 1-2020/DTW-APP 1-2021/DTW-APP	146.676.200 119.130.000	Từ 02/01/2019 Từ 02/01/2020 Từ 02/01/2021	Đến 31/12/2019 Đến 31/12/2020 Đến 31/12/2021	Màng nhôm, PVC, màng phức hợp, túi phức hợp...
5	Công ty CP Hóa Dược Quốc Tế Hà Nội	25.02.21/HN-2021	374.850.000	25/02/2021	2021	Nguyên liệu
6	Công ty TNHH Sản xuất và xuất nhập khẩu Bao bì Hà Nội	2/2020-HĐNT 4/2020-HĐNT 42/2021-HĐNT	67.682.725 62.345.140	Từ 02/1/2020 Từ 02/1/2020 Từ 02/01/202	Đến 31/12/2019 Đến 31/12/2020 Đến 31/12/2021	Vỏ hộp, đơn, nhãn...
7	Công ty cổ phần Dược phẩm Benovas - Chi nhánh Hà Nội	001/HDKT-21 Caps		Từ 02/01/2021	Đến 31/12/2021	Vỏ nang
8	Công ty TNHH một thành viên Dược Anpharma	01/HDKT/2019-ANPHARMA	1.023.750.000	24/10/2019	2019	Nguyên liệu
9	Shanghai Linzyme Biosciences Ltd ,China	Ampha-1515B/MDPT	4.390.900.000	15/8/2019	5/1/2020	Chymotrypsin
		Ampha-1566/MDPT	3.925.300.000	23/3/2020	30/7/2020	Chymotrypsin
		Ampha-1581/MDPT	3.908.300.000	24/9/2020	13/1/2021	Chymotrypsin

	Ampha-1608/MDPT	1.951.600.000	5/2/2021	16/3/2021	Chymotrypsin
	Ampha-1608/MDPT	1.949.900.000	5/2/2021	20/5/2021	20/5/2021

Nguồn: Công ty

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

10.7.1. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Uy tín thương hiệu Công ty dẫn đầu định trên thị trường, sản phẩm của Công ty đã xuất khẩu sang các nước, đặc biệt là thị trường Myanmar. Công ty có các sản phẩm thế mạnh là các sản phẩm truyền thống như nguyên liệu chiết xuất bán tổng hợp, dược liệu. Công ty đã có bộ phận quản lý sản xuất chuyên nghiệp để kiểm soát chất lượng tại các nhà máy, có 02 nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn GMP –WHO với các dây chuyền sản xuất thuốc tiên tiến. Hơn thế nữa, Công ty cũng có nhiều cơ hội phát triển khi nhận thức của người dân Việt Nam về chăm sóc sức khỏe và nhu cầu về y tế ngày càng tăng lên do đó mặt sản phẩm Đông dược được kì vọng có sự thay đổi tăng về nhu cầu sử dụng và các thuốc chữa bệnh biệt dược sẽ được sử dụng nhiều trong điều trị .

Đặc biệt trong thời gian gần đây Bộ y tế và các cơ quan quản lý chuyên môn của Bộ, Cục Quản lý Dược, Cục ANTP, Cục YHCT, Viện kiểm nghiệm TW đã tăng cường quản lý, giám sát việc sản xuất và lưu thông các sản phẩm theo giấy phép đã cấp, nhiều doanh nghiệp không đáp ứng tiêu chuẩn hoặc vi phạm các tiêu chuẩn chất lượng đã bị tạm dừng sản xuất hoặc đình chỉ lưu hành sản phẩm. Điều đó cũng là cơ hội rất lớn cho các Doanh nghiệp sản xuất có đầu tư bài bản tuân thủ nghiêm ngặt GMP, có nền tảng công nghệ và sản phẩm chất lượng phát triển chiếm lĩnh thị trường. Công ty cổ phần Dược TW Mediplantex nhận thấy đây cũng là cơ hội để phát triển về sản phẩm cũng như chất lượng và công nghệ bào chế, sản xuất trong giai đoạn này, chính vì vậy Công ty đã tiến hành đầu tư lớn một hệ thống nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn cao nhất GMP- EU

Tuy nhiên, nguồn vốn đầu tư phát triển công ty còn phụ thuộc khá nhiều vào vốn vay. Nguồn nhân lực hiện nay còn thiếu, đặc biệt là chưa có nhiều nhân sự trẻ kế cận lớp nhân sự có thâm niên, kinh nghiệm. Quản lý nguồn nhân lực còn nhiều lao động gián tiếp, chưa phát huy được hết năng lực lao động. Công ty chưa có nhiều sản phẩm độc quyền, chiếm ưu thế trên thị trường, khó khăn trong đầu thầu vào các cơ sở điều trị.

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Triển vọng ngành dược phẩm trong năm 2021 được đánh giá sẽ khả quan hơn do nguồn cung nguyên liệu đã phục hồi từ cuối Quý 1/2020 và không còn là một rủi ro lớn đối với các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm.

Ở mảng sản xuất, tiến độ hợp tác giữa doanh nghiệp trong nước với đối tác nước ngoài được kỳ vọng sẽ tăng tốc sau khi cả việc di chuyển của các chuyên gia tới Việt Nam và việc xét duyệt tiêu chuẩn từ xa được cho phép.

Tổng giá trị dược phẩm tiêu thụ ở Việt Nam tiếp tục tăng trưởng trong năm 2021, ước đạt 123,6 nghìn tỷ VNĐ (~8,0% yoy) (theo IQVIA). Với việc dịch COVID-19 được kiểm soát tốt ở Việt Nam và việc nghiên cứu sản xuất vắc-xin COVID-19 được đẩy nhanh tiến độ trên toàn cầu, tuy nhiên theo các chuyên gia nhận định, tiêu thụ ở kênh OTC sẽ chứng kiến tốc độ tăng trưởng thấp hơn trong năm 2021 khi nền kinh tế chưa được phục hồi, tốc độ tăng trưởng chung của kênh bán lẻ ước giảm từ 15,5% yoy (2020E) xuống 10,2% yoy (2021F) (theo EUI). tình trạng tích trữ và sử dụng sản phẩm như khẩu trang, nước rửa tay sát khuẩn ... sẽ tiếp tục suy yếu dần trong năm 2021-2021. Động lực tăng trưởng kênh OTC sẽ đến từ các sản phẩm như vitamin và sản phẩm hỗ trợ tăng sức đề kháng và một số sản phẩm có nguồn gốc thảo dược được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng với tốc độ 8,0%- 20,0%/năm do nhận thức của người tiêu dùng trong việc “phòng bệnh hơn chữa bệnh”.

Ở kênh ETC, trong bối cảnh chi tiêu quỹ bảo hiểm y tế bị thâm hụt do tỷ lệ sử dụng thuốc biệt dược gốc ở mức cao và giá trị lớn, đây cũng là cơ hội sẽ dành cho các doanh nghiệp nội địa có khả năng sản xuất dược phẩm với chất lượng cao tuân thủ GMP-EU (hoặc tương đương) nhưng giá thành tốt và cạnh tranh được các sản phẩm tương tự nhập khẩu và khi đó sẽ được sử dụng nhiều hơn nữa điều trị khám chữa bệnh tại các Bệnh viện từ TW đến địa phương.

Tuy nhiên, mới chỉ một số ít doanh nghiệp trong nước đủ khả năng sản xuất tân dược với các tiêu chuẩn sản xuất trên do các giới hạn về vốn, trình độ công nghệ và khả năng nghiên cứu. Do đó, việc hợp tác doanh nghiệp Việt Nam và các tập đoàn dược phẩm toàn cầu là cần thiết và là yếu tố thúc đẩy xu hướng mua-bán và sáp nhập trong ngành dược phẩm ở Việt Nam để các doanh nghiệp nội địa mở rộng quy mô sản xuất tân dược có chất lượng cao để thay thế biệt dược gốc và các tập đoàn dược phẩm quốc tế tăng khả năng cạnh tranh về giá ở Việt Nam nhờ việc nhượng quyền sản xuất thay thế cho nhập khẩu.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Việt Nam hiện được xếp vào nhóm những nước có ngành dược mới nổi. Dân số đang bước vào giai đoạn “già hóa” (World Bank cảnh báo, Việt Nam đang trải qua giai đoạn tốc độ già hóa dân số nhanh nhất từ trước tới nay, tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên dự kiến sẽ đạt 21% vào năm 2050, đồng nghĩa với nhu cầu chăm sóc sức khỏe đang tăng lên.

Bên cạnh đó, mức độ sẵn sàng chi trả cho các dịch vụ y tế có xu hướng tăng lên do thu nhập bình quân đầu người và trình độ dân trí được cải thiện, trong khi môi trường sống ngày càng có nguy cơ ô nhiễm cao làm gia tăng ngày càng nhiều loại bệnh tật, ... là yếu tố chính dẫn đến sự phát triển tất yếu của ngành dược. Trong vòng 5 năm tiếp theo, ngành dược Việt Nam được dự đoán sẽ tiếp tục nằm trong nhóm 20 quốc gia có mức tăng trưởng mạnh và ổn định nhất thế giới. Theo kết quả khảo sát của Vietnam Report, 100% các chuyên gia nhận định ngành dược Việt Nam trong giai đoạn 5 năm tới sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức hai con số. Dự báo từ hãng nghiên cứu thị trường IBM về độ lớn thị trường dược phẩm nước ta sẽ đạt 7,7 tỉ USD vào năm 2021, và lên đến 16,1 tỷ USD năm 2026, với tỉ lệ tăng trưởng kép lên tới 11% tính theo đồng Việt Nam. Cùng với sự tăng trưởng của ngành dược, trong những năm qua, mức chi bình quân đầu người cho dược phẩm tại Việt Nam cũng tăng theo. Đây là cơ hội rất lớn cho ngành Dược phẩm nói chung và Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex nói riêng.

Với định hướng phấn đấu trở thành nhà sản xuất lớn, uy tín trong lĩnh vực dược phẩm trên toàn quốc, Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex tin tưởng định hướng này hoàn toàn phù hợp với chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

10.8. Hoạt động Marketing

Dược phẩm là ngành sản xuất và kinh doanh có điều kiện do ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của con người, với phương châm “Vì sức khỏe và vẻ đẹp con người”, Công ty luôn đảm bảo sản xuất và kinh doanh những sản phẩm có chất lượng cao và an toàn cho người sử dụng, mỗi sản phẩm đều phải trải qua khâu kiểm soát chất lượng đầu ra với trang thiết bị hiện đại, quy trình kiểm nghiệm chặt chẽ.

Công ty luôn chú trọng xây dựng chiến lược, triển khai thực hiện các hoạt động tiếp thị, truyền thông; tổ chức sự kiện, phát triển thương hiệu một cách nhất quán, hiệu quả tới nhóm khách hàng mục tiêu và trên tất cả các kênh tiếp thị và bán hàng. Ban lãnh đạo Công ty đã vạch ra một số giải pháp thị trường và hoạt động Marketing như:

- Tiếp tục thực hiện công tác khảo sát, đánh giá phân tích toàn diện về nhu cầu khách hàng để có các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất, định hướng phát triển sản phẩm mới và các mặt hàng truyền thống của Công ty.
- Duy trì và phát triển thị phần trong nhóm khách hàng cũ trên cơ sở phân tích bán hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Tiếp tục bám sát, giữ chính sách giá linh hoạt và giữ vững số lượng và tăng thị phần tại các khách hàng Gia công – Cát lô, đặc biệt là các khách hàng lớn Dược phẩm An hy, Dược phẩm Robinson, Minh An, Hưng Việt, Đông Nam Á, ...
- Tiếp tục duy trì và phát triển thị trường thông qua 3 nhà phân phối tại miền Bắc, miền Nam, miền Trung. Mục tiêu sản lượng tiêu thụ tại hệ thống này chiếm khoảng 50% trong tổng sản lượng tiêu thụ toàn nhà máy.
- Đẩy mạnh công tác xuất nhập khẩu, tham gia các hội trợ, triển lãm chuyên ngành Dược phẩm tại Đông Nam Á, ... tiếp cận chào hàng trực tiếp khách hàng tiềm năng. Đăng ký tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm tại các thị trường xuất khẩu phù hợp với pháp luật liên quan, đảm bảo công tác xuất khẩu thuận lợi, giảm chi phí.
- Marketing qua nhiều kênh truyền thông khác nhau để duy trì thương hiệu MediplanTEX. Đối với kênh phân phối ETC, Công ty xây dựng nhà máy tiêu chuẩn EU- GMP tại KCN Hòa Lạc, nghiên cứu để sản xuất các sản phẩm thuốc có chất lượng tương đương thuốc nhập khẩu nhưng giá thấp hơn để gia tăng sản phẩm trong chữa bệnh của Bác sĩ.
- Tổ chức và nâng cao hoạt động chăm sóc khách hàng, các chương trình khuyến mãi phù hợp, có hiệu quả.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Bảng 12. Danh sách bằng sáng chế

STT	Tên sản phẩm	Số đăng ký	Ngày cấp	Thông tin sản phẩm
1	Alphachymotrypsinvi10vMEDI	VD-18417-13	18/01/2013	Điều trị phù nề sau chấn thương, phẫu thuật, bỏng
2	Althax (Hộp3 vi x 10 viên) MEDI	VD-18786-13	04/01/2013	Hỗ trợ dự phòng tái phát nhiễm khuẩn hô hấp ở trẻ em và người lớn. Hỗ trợ điều trị Viêm mũi dị ứng, dự

				phòng tái phát dị ứng thức ăn. Hỗ trợ cải thiện các triệu chứng lâm sàng ở bệnh nhân HIV/AIDS. Hỗ trợ tăng cường hệ miễn dịch đã suy giảm ở người cao tuổi
3	ASEVictoria(H1 vi x 1v)MEDI	VD-25842-16	15/11/2016	Ngừa thai khẩn cấp sau cuộc giao hợp không được bảo vệ hoặc phương pháp ngừa thai khác thất bại
4	Basocholine	VD-28177-17	19/09/2017	Điều trị các rối loạn trí nhớ và hành vi do: Đột quỵ, là bệnh gây gián đoạn nguồn cung cấp máu đến não do cục máu đông hoặc vỡ mạch máu Bị chấn thương ở đầu
5	Bestimac Q10	VD-28179-17	19/09/2017	Chỉ định trong các bệnh thiếu hụt coenzym Q10: bệnh ty thể, bao gồm cả cơ tim và bệnh não do thiếu hụt chuỗi hô hấp tế bào Hỗ trợ điều trị tăng cholesterol máu ở bệnh nhân đang được điều trị lâu dài với thuốc ức chế enzym HMG-CoA reductase
6	Biotin	VD-25844-16	11/05/2016	Bổ sung biotin, tăng cường sức khỏe, tốt cho da và tóc, móng làm đẹp da, giảm gãy rụng tóc
7	CERECAPS (Hộp3vi x 10viên) MEDI	VD-24348-16	23/03/2016	Điều trị: Suy giảm trí nhớ, đau đầu, hoa mắt chóng mặt, hay cáu gắt ở người có tuổi, mất ngủ, ngủ hay mê, hay ngủ gà, ngủ gật

				thiếu máu, sạm da, đứng lên ngồi xuống hay bị chóng mặt làm việc trí óc nhiều căng thẳng, mệt mỏi, mất tập trung
8	Chorlatcyn	GC-269-17	02/06/2017	Phòng và điều trị hỗ trợ các bệnh viêm gan mãn tính, viêm ống mật hoặc túi mật, táo bón mãn tính, vàng da, nổi mề đay
9	Dicenin	VD-19524-13	09/10/2013	Điều trị: Con đột quy cấp, phục hồi chức năng sau đột quy chấn thương sọ não, phục hồi chức năng sau phẫu thuật thần kinh, suy giảm trí nhớ, thiếu năng não bộ, hoa mắt, chóng mặt
10	Huzazol	VD-32066-19	27/02/2019	Điều trị viêm loét thực quản do trào ngược dạ dày thực quản điều trị tiếp theo bằng đường uống sau khi tiêm tĩnh mạch, để phòng ngừa xuất huyết tái phát ở các vết loét đường tiêu hóa
11	Medi- Neuno Ultra	VD-11788-10	16/06/2010	Chỉ định :Viêm dây thần kinh, Bệnh cơ tim do thiếu thiamin, Hỗ trợ điều trị đau dây thần kinh, đau thần kinh tọa, đau thắt lưng, co giật do thuốc, điều trị nôn sau phẫu thuật...
12	MEDIPHYLAMIN 250mg MEDI	VD-24351-16	23/03/2016	Tăng cường thể lực, dùng cho bệnh nhân đang trong tình trạng suy nhược, mệt mỏi, hỗ trợ trong điều trị bệnh ung thư nhờ tác dụng kích thích và tăng cường miễn dịch, giảm thiểu

				tác dụng có hại của tia phóng xạ trong điều trị ung thư
13	MEDIPHYLAMIN 500mg MEDI	VD- 24352-16	23/03/2016	Chi định: Tăng cường thể lực, dùng cho bệnh nhân đang trong tình trạng suy nhược, mệt mỏi, hỗ trợ trong điều trị bệnh ung thư nhờ tác dụng kích thích và tăng cường miễn dịch, giảm thiểu tác dụng có hại của tia phóng xạ trong điều trị ung thư
14	Mefuform(H7vi x10v)MEDI	VD- 33667-19	23/10/2019	Làm thuyên giảm các triệu chứng chủ quan và khách quan của các loại ung thư sau: đầu và cổ, dạ dày, đại tràng, tế bào gan, túi mật hoặc ống mật, phổi, vú, bàng quang, tuyến tiền liệt
15	Mifexton	VD- 27211-17	22/06/2017	Hỗ trợ Điều trị Bệnh não cấp tính: tai biến mạch máu não cấp tính hoặc bán cấp, chấn thương sọ não. Bệnh não mãn tính. Điều trị Parkinson
16	Pgisycap	VD- 27200-17	22/06/2017	Hỗ trợ và điều trị trong các trường hợp sau: Suy giảm chức năng thận, liệt dương, di tinh, người suy giảm chức năng sinh lý, lưng gối đau mỏi Ho mạn tính và khó thở, ho do lao lực, ho ra máu
17	PHONG DAN (Hộp 3vi x10 viên) MEDI	VD- 26637-17	20/02/2017	Bổ khí huyết, bổ can thận, mạnh gân xương, khu phong trừ khớp, đau lưng, đau dây thần kinh tọa, đau các khớp, đau cột sống do phong thấp thể hàn
18	Silymax Complex (Hộp 6vi x 10v)MEDI	VD- 32966-19	08/01/2019	Hỗ trợ và điều trị Viêm gan do virus, xơ gan, gan nhiễm mỡ, men gan cao, suy giảm chức năng gan, rối loạn

				chức năng gan với các biểu hiện như dị ứng, mẩn ngứa..
19	Tenaspec (Hộp6vi x10v)MEDI	VD-22560-15	26/05/2015	Thuốc được dùng để hỗ trợ điều trị các TH: giảm hoạt động và vận động, giảm sự tập trung và sa sút trí tuệ. Bệnh mạch máu não cấp, bệnh Alzheimer
20	TUZAMIN (H/3vix10 viên) MEDI	VD-24355-16	23/03/2016	Trị phong thấp, đau lưng, đau dây thần kinh tọa, đau các khớp, đau cột sống

Nguồn: Công ty



Logo
CÔNG TY CP DƯỢC TW MEDIPLANTEX



Hình 10. Giấy chứng nhận sở hữu logo MediplanTEX

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

- Tăng cường thêm các điều kiện cho công tác nghiên cứu phát triển.
- Khuyến khích nghiên cứu các sản phẩm mới đáp ứng với nhu cầu của thị trường, mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- Tích cực triển khai xây dựng Trung tâm KHCN Dược và nhà máy ứng dụng sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn GMP EU tại khu Công nghệ cao Hòa Lạc.
- Tiếp tục triển khai hợp tác đầu tư tại các Khu đất của Công ty, nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.
- Tiếp tục tái thẩm định GMP – WHO tại nhà máy Dược phẩm số 2 để duy trì sản xuất đến khi NM mới đi vào hoạt động ổn định.
- Nghiên cứu cải tiến mọi mặt các sản phẩm cũ, từ hình thức, mẫu mã, nội dung đến phương thức sản xuất, công nghệ và dây chuyền sản xuất. Đặc biệt chú trọng nghiên cứu và phát triển sản phẩm cùng với các nhà khoa học để ứng dụng sản xuất cho các dây chuyền sản xuất trong Nhà máy GMP- EU.

10.11. Chiến lược kinh doanh

- Chỉ đạo việc lập kế hoạch sản xuất sát với năng lực sản xuất của nhà máy và phù hợp kế hoạch kinh doanh của Công ty trên cơ sở tính toán hợp lý các chi phí giá thành và lợi nhuận.
- Năm 2021, tăng cường sản xuất đồng dược, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường và có giá trị kinh tế cao.
- Tăng cường quản lý các loại định mức như: Định mức lao động và định mức tiêu hao vật tư.
- Tăng cường quản lý chi phí ở tất cả các khâu để cắt, giảm những chi phí không cần thiết và tránh tình trạng lãng phí làm tăng chi phí của Công ty.
- Tăng cường đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm xuất khẩu sang Myanmar.
- Duy trì năng lực kinh doanh dược liệu, thuốc nam, thuốc bắc, đảm bảo chất lượng, an toàn các mặt hàng và có lợi nhuận, nhưng cần chú trọng quản lý chất lượng dược liệu chặt chẽ theo đúng quy định của Bộ Y tế.

10.12. Đáp ứng các điều kiện kinh doanh của các ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Công ty tuân thủ các điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng, các điều kiện về chứng chỉ theo điều kiện mà pháp luật quy định.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Thống kê lao động

Tính đến 31/12/2020, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 450 lao động. Thu nhập bình quân 1 người toàn công ty năm 2020 là 14.887.438 đồng/tháng và 178.649.251 đồng/năm, vượt 10,3% so với kế hoạch năm đề ra. Tiền lương công ty đều được chi đúng thời hạn, các chế độ, phúc lợi luôn được Công ty quan tâm, đời sống cán bộ nhân viên được cải thiện rõ rệt.

Bảng 13. Tình hình lao động trong Công ty tại thời điểm 31/12/2020

Đơn vị: người

Loại lao động	Số lượng
Phân theo giới tính	
Nam	174
Nữ	269
Phân theo trình độ học vấn	
Trình độ trên Đại học	8
Trình độ Đại học	146
Đối tượng khác	289

Nguồn: Công ty

- **Chế độ làm việc**

Công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1 tiếng. Thực hiện nghỉ vào thứ Bảy và ngày Chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca.

- **Điều kiện làm việc**

Văn phòng làm việc, nhà máy sản xuất được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện và công cụ làm việc, vệ sinh lao động.

11.2. Chính sách tuyển dụng và đào tạo, phát triển nhân viên

- **Chính sách tuyển dụng**

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, đặc biệt là thu hút các Dược sỹ Đại học. Những vị trí quản lý được Công ty đưa ra các tiêu chí tuyển dụng cao nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

- **Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên**

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề nâng cao, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCNV. Công ty thường xuyên tổ chức những lớp học về:

- Đào tạo định kỳ về GPS;
- Đào tạo định kỳ về an toàn vệ sinh lao động, đào tạo về PCCC;
- Đào tạo cập nhật về Luật, thông tư, nghị định của cơ quan quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực Dược, lao động tiền lương, thuế, môi trường;
- Đào tạo nâng cao chuyên môn:
 - + Đào tạo kỹ năng bán hàng của phòng Kinh doanh
 - + Đào tạo về sản phẩm mới cho công tác bán hàng của phòng Kinh doanh.

11.3. Chính sách lương thưởng, phúc lợi

- **Chính sách lương**

Thu nhập người lao động bình quân toàn Công ty năm 2020 đạt 14,88 triệu đồng/người/tháng, tiền lương đều được chi trả kịp thời. Ngoài ra nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu, đánh giá các cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho công ty bằng các giải thưởng như: Chiến sỹ thi đua của năm, Sáng kiến của năm, Tập thể xuất sắc, Phụ nữ hai giới, ...

- **Chính sách bảo hiểm, phúc lợi**

Công ty luôn thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành về việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm việc cải thiện điều kiện sống và làm việc cho CBCNV.

Công ty chú trọng đặc biệt đến vấn đề an toàn lao động cho người lao động. Để hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất, công ty đã xây dựng một quy trình vận hành an toàn cho

người lao động theo quy chuẩn GMP – WHO. Công ty ban hành nội quy về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác thực hiện tại các nhà máy. Công ty luôn trang bị đầy đủ thiết bị, bảo hộ lao động, thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc làm việc và có chính sách bồi dưỡng, nghỉ ngơi riêng đối với những vị trí có yếu tố độc hại.

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề bình đẳng giới – bảo vệ quyền lợi của CBCNV nữ. Các lao động nữ không gặp bất kỳ rào cản nào trong công việc cũng như phát triển sự nghiệp, công ty tạo điều kiện hỗ trợ CBCNV nữ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao lẫn công việc gia đình. Định kỳ hàng năm, Công ty có các chương trình dành riêng cho chị em phụ nữ như Quốc tế phụ nữ 08/03 và Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.

11.4. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

- Không có

12. Chính sách cổ tức

Cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả.

Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp, tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Công ty hướng tới chính sách chi trả cổ tức ổn định, tạo lòng tin và nâng cao lợi ích cho cổ đông và nhà đầu tư.

Bảng 14. Tỷ lệ cổ tức

Năm	2019	2020
Tỷ lệ cổ tức	15%	30%
Hình thức thanh toán	Tiền mặt/ Chuyển khoản	Tiền mặt/ Chuyển khoản

Nguồn: Công ty

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất trong 02 năm gần đây

- Không có

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

- Không có

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

- Không có

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Ngày 11/10/2021, Công ty nhận được Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính số 614/QĐ-XPVPHC của UBND tỉnh về việc Công ty đã thực hiện niêm yết chứng khoán quá thời hạn trên 12 tháng đối với công ty trở thành công ty đại chúng trước ngày 01/01/2016 (thời điểm Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết có hiệu lực) với mức xử phạt là 300.000.000 đồng. Công ty đã nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt và tiến hành nộp phạt vi phạm vào ngân sách nhà nước theo đúng thời hạn quy định.

Cũng trong năm 2021, Công ty nhận được 02 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế, cụ thể:

- Quyết định số 204/QĐ-XPVC ngày 07/04/2021 của Phó Cục trưởng, Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế, quyết định xử phạt hành chính với tổng mức phạt là 220.000.000 đồng và biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng, do Công ty đã thực hiện các hành vi:
 - + Công ty sản xuất thuốc Chymomedi, SDK VD-25331-16, số lô 254418, NSX 21/08/2018, HD 20/08/2020 không đạt tiêu chuẩn chất lượng về chỉ tiêu Định lượng, vi phạm mức độ 2 theo quy định của pháp luật, quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 57 của Nghị định 117/2020/NĐ-CP ngày 28/09/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;
 - + Công ty sản xuất thuốc Epepara Codeine SDK VD-29935-18 có thay đổi lớn so với hồ sơ đăng ký thuốc đã được phê duyệt nhưng chưa được phê duyệt nội dung thay đổi theo quy định của pháp luật, quy định tại Điểm d Khoản 3 và Khoản 7 Điều 57 Nghị định 117/2020/NĐ-CP ngày 28/09/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;
 - + Công ty sản xuất thuốc Terpin codein – F, SDK VD-20490-14 có thay đổi lớn so với hồ sơ đăng ký thuốc đã được phê duyệt nhưng chưa được phê duyệt nội dung thay đổi theo quy định của pháp luật, quy định tại Điểm d Khoản 3 và Khoản 7 Điều 57 Nghị định

117/2020/NĐ-CP ngày 28/09/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

- Quyết định số 338/QĐ-XPHC ngày 25/06/2021 của Phó Cục trưởng, Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế, quyết định xử phạt hành chính với tổng mức phạt là 70.000.000 đồng, đồng thời tu, do Công ty đã thực hiện các hành vi bảo quản thuốc Terpin Codein F, SDK VD-20490-14 không đúng điều kiện ghi trên nhãn, quy định tại điểm c Khoản 4 Điều 58 Nghị định 117/2020/NĐ-CP ngày 28/09/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế;

Công ty đã nghiêm chỉnh chấp hành các Quyết định xử phạt nêu trên bao gồm việc nộp tiền phạt hành chính vào ngân sách nhà nước và biện pháp khắc phục hậu quả. Đến nay, Công ty không còn nghĩa vụ phải thực hiện nào liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex xin cam kết tại thời điểm nộp hồ sơ phát hành chào bán thêm cổ phiếu năm 2021, Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 15. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019, năm 2020 và 09 tháng đầu năm 2021

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm	09 tháng đầu năm 2021
Tổng giá trị tài sản	569.066.483.052	522.851.729.000	-8,12%	546.730.995.817
Doanh thu thuần	728.470.701.122	521.390.572.993	-28,43%	276.746.015.784
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44.982.839.821	26.192.600.102	-41,77%	8.769.438.628
Lợi nhuận khác	54.895.126	4.791.442.687	8628,36%	(310.385.487)

Lợi nhuận trước thuế	45.037.734.947	30.984.042.789	-31,20%	8.459.053.141
Lợi nhuận sau thuế	35.896.790.786	24.421.999.701	-31,97%	6.581.083.306
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	26,24%	77,14%	293,98%	_* (*)
Tỷ lệ cổ tức	15%	30%	100%	20% - 30%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC quý 3/2021 soát xét của Công ty

() Tính đến ngày 30/09/2021, Công ty Cổ phần Dược Trung Ương Mediplantex chưa thực hiện tạm ứng, chi trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông.*

Bảng 16. Các chỉ tiêu khác

Đơn vị: đồng

STT	Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	09 tháng đầu năm 2021
1	Sản xuất công nghiệp	434.330.735.049	354.508.073.700	230.504.095.538
	Nhà máy GMP WHO	309.991.457.464	266.258.114.787	193.545.736.094
	Xưởng chế biến Dược liệu	124.339.277.585	88.249.958.913	36.958.359.444
2	Giá vốn hàng bán	557.350.468.834	404.518.756.726	216.384.258.521
3	Lợi nhuận gộp	171.120.232.288	116.871.816.267	60.361.757.263
4	Tổng cộng chi phí, trong đó:	96.098.367.320	129.290.633.183	50.243.169.188
	<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>57.044.535.285</i>	<i>51.190.948.136</i>	<i>36.290.623.865</i>
	<i>Chi phí bán hàng</i>	<i>63.040.878.627</i>	<i>38.460.128.352</i>	<i>13.952.545.323</i>

Nguồn: Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

- **Thuận lợi:**

- Công ty có đội ngũ CBCNV lành nghề, kinh nghiệm và tận tâm. Các cán bộ quản lý và chuyên gia có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm lâu năm và năng động. Đây là yếu tố

giúp Công ty nắm bắt kịp thời tiến bộ khoa học kỹ thuật đồng thời nắm bắt được nhu cầu của khách hàng để cung cấp các sản phẩm mới có chất lượng tốt và phù hợp với nhu cầu chữa bệnh của người dân.

- Hệ thống phân phối của Công ty được củng cố, mở rộng, chính sách phân phối sản phẩm linh hoạt và hiệu quả. Hàng hóa công ty phân phối trải rộng trên 63 tỉnh, thành phố. Mạng lưới phân phối được chia thành 03 vùng (Bắc, Trung, Nam).
- Nền kinh tế Việt Nam đã có chuyển biến tích cực và phát triển sau khi Việt Nam gia nhập WTO. Đây là yếu tố thuận lợi cho ngành Dược trong nước nói chung và Công ty nói riêng, có cơ hội tiếp cận với các thị trường dược phẩm ngoài nước, học hỏi và chuyển giao công nghệ sản xuất hiện đại trong môi trường kinh doanh toàn cầu.
- Các chính sách của Nhà nước cũng như người dân ngày càng quan tâm đến việc chăm sóc sức khỏe của bản thân cùng với mức sống của người dân ngày càng được cải thiện là những tín hiệu tốt cho sự phát triển của các công ty hoạt động trong ngành dược.
- **Khó khăn:**
 - Sự bất ổn của nền kinh tế thế giới và Việt Nam đã ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng. Ảnh hưởng từ biến động giá cả nguyên vật liệu, tỷ giá ngoại tệ, ... làm giảm sự ổn định chi phí, ảnh hưởng đến hoạt động và lợi nhuận.
 - Tình trạng cạnh tranh ngày càng gay gắt của ngành dược phẩm, đặc biệt là từ các Công ty dược phẩm nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh.
 - Sự biến động của giá dược phẩm đầu vào và sự quản lý trong giá bán đầu ra tạo nên những rủi ro đặc thù cho các công ty hoạt động trong ngành dược phẩm.
 - Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 từ nửa đầu năm 2020 đến nay khiến cho các hoạt động nhập khẩu nguyên liệu vào Việt Nam bị hạn chế.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 17. Vốn điều lệ năm 2019 và 2020

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Vốn điều lệ	62.800.950.000	62.800.950.000	62.800.950.000

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 và báo cáo tài chính quý 3/2021

Bảng 18. Cơ cấu vốn kinh doanh

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1. Nợ phải trả	400.101.008.969	341.058.205.166	378.111.673.680
1.1. Nợ ngắn hạn	398.939.677.469	341.058.205.166	378.111.673.680
1.2. Nợ dài hạn	1.161.331.500	-	-
2. Vốn chủ sở hữu	168.965.474.083	181.793.523.834	168.619.322.137
Tổng nguồn vốn	569.066.483.052	522.851.729.000	546.730.995.817

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC quý 3/2021 của Công ty

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

- Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thoả mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

Bảng 19. Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị quản lý	05 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06 – 10

Nguồn: BCTC kiểm toán 2020 của Công ty

- Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sản xuất thuốc và phần mềm máy tính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

Bảng 20. Khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình	Năm
Quyền sản xuất	20
Phần mềm máy tính	05

Nguồn: BCTC kiểm toán 2020 của Công ty

2.1.3. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân cán bộ công nhân viên Công ty năm 2020 là 14.887.438 VNĐ/tháng và 178.649.251 VNĐ/năm. So với mức lương cơ bản theo quy định của các cơ quan Nhà nước và với

các doanh nghiệp khác trong ngành sản xuất và kinh doanh dược, mức lương bình quân của Công ty được đánh giá ở mức tốt.

2.1.4. Tình hình công nợ

a) Các khoản phải thu

Bảng 21. Các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	266.059.428.219	203.983.146.390	190.069.188.683
<i>1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>258.286.802.358</i>	<i>188.284.608.273</i>	<i>132.200.233.061</i>
<i>2. Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>7.168.802.324</i>	<i>14.804.089.710</i>	<i>14.125.612.306</i>
<i>3. Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>1.422.521.716</i>	<i>1.681.831.783</i>	<i>44.530.726.691</i>
<i>4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>(818.698.179)</i>	<i>(787.383.376)</i>	<i>(787.383.376)</i>
II. Các khoản phải thu dài hạn	8.584.180.000	8.584.180.000	4.363.135.000
<i>1. Phải thu dài hạn khác</i>	<i>8.584.180.000</i>	<i>8.584.180.000</i>	<i>4.363.135.000</i>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC quý 3/2021 của Công ty

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu đến từ các đối tác là các công ty dược như: Công ty Cổ phần Mediplantex Miền Nam, Công ty TNHH MTV Dược phẩm An Hy, Công ty Cổ phần Dược Medi Miền Bắc, Công ty Cổ phần Dược Medi Hà Nội. Đây là các đơn vị đối tác lâu năm và tin cậy của Công ty. Đối với các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm, Công ty đã trích lập khoản dự phòng với giá trị trên 787 triệu đồng, chi tiết như sau:

Bảng 22. Các khoản phải thu quá hạn

Đơn vị: đồng

Khách hàng	Thời gian quá hạn	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Tại 31/12/2019				
Công ty TNHH Dược phẩm Hải Thành	Trên 3 năm	247.156.740	-	247.156.740
Công ty TNHH Dược phẩm Hương Linh	Trên 3 năm	167.803.729	-	167.803.729
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3 – Hồ Chí Minh	Trên 3 năm	176.863.000	-	176.863.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Gia Định	Trên 3 năm	141.899.996	-	141.899.996
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	84.974.714	-	84.974.714
Cộng		818.698.179		818.698.179
Tại 31/12/2020				
Công ty TNHH Dược phẩm Hải Thành	Trên 3 năm	247.156.740	-	247.156.740
Công ty TNHH Dược phẩm Hương Linh	Trên 3 năm	167.803.729	-	167.803.729
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận	Trên 3 năm	176.863.000	-	176.863.000

3 – Hồ Chí Minh				
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Gia Định	Trên 3 năm	141.899.996	-	141.899.996
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	53.659.911	-	53.659.911
Cộng		787.383.376		787.383.376
Tại 30/09/2021				
Công ty TNHH Dược phẩm Hải Thành	Trên 3 năm	247.156.740	-	247.156.740
Công ty TNHH Dược phẩm Hương Linh	Trên 3 năm	167.803.729	-	167.803.729
Công ty Cổ phần Dược phẩm Quận 3 – Hồ Chí Minh	Trên 3 năm	176.863.000	-	176.863.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Gia Định	Trên 3 năm	141.899.996	-	141.899.996
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	53.659.911	-	53.659.911
Cộng		787.383.376		787.383.376

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC quý 3/2021 của Công ty

Đối với các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm nêu trên, Công ty dự kiến sẽ thu hồi 100% giá trị, hiện nay Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định và dồn đốc thu hồi công nợ các khoản phải thu này.

b) Các khoản phải trả

Bảng 23. Tổng số nợ phải trả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
I. Nợ ngắn hạn	398.939.677.469	341.058.205.166	378.111.673.680
1. Phải trả người bán ngắn hạn	141.200.533.786	72.141.937.164	44.873.049.818
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.828.652.047	4.877.982.644	7.105.791.462
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.004.734.562	1.483.662.538	1.172.335.827
4. Phải trả người lao động	20.919.868.974	14.671.818.946	8.264.721.757
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	570.606.996	60.741.608	262.500.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	390.000.000	-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	117.832.414.221	163.309.760.243	225.635.923.779
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	94.439.625.621	80.606.399.315	87.631.448.329
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.753.241.262	3.905.902.708	3.165.902.708
II. Nợ dài hạn	1.161.331.500	-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.161.331.500	-	-
NỢ PHẢI TRẢ	400.101.008.969	341.058.205.166	378.111.673.680

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC quý 3/2021 của Công ty

2.1.5. Tình hình thanh toán các khoản nợ

Các khoản nợ vay của Công ty đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên, phải trả phải nộp khác cũng được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

Đối với các khoản nợ vay sắp đến hạn thanh toán cũng đều nằm trong kế hoạch tài chính của Công ty và đã được chuẩn bị nguồn tài chính đầy đủ.

2.1.6. Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 24. Các khoản phải nộp theo quy định

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Thuế giá trị gia tăng	1.419.746.954	151.961.958	4.944.630
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.340.944.161	882.506.083	877.969.835
Thuế thu nhập cá nhân	244.043.447	443.575.585	289.421.362
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	-
Cộng	5.004.734.562	1.478.043.626	1.172.335.827
Trong đó			
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	5.618.912	-
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.004.734.562	1.483.662.538	1.172.335.827

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và BCTC quý 3/2021 của Công ty

Các khoản phải nộp theo luật định đều được Công ty thực hiện nghiêm túc theo quy định Nhà nước.

2.1.7. Trích lập các quỹ

Bảng 25. Trích lập các quỹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.753.241.262	3.905.902.708	3.165.902.708

Quỹ đầu tư phát triển	39.782.414.151	64.782.414.151	69.782.414.151
-----------------------	----------------	----------------	----------------

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020, BCTC quý 3/2021 của Công ty

Việc trích lập các Quỹ được Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm.

2.1.8. Tổng dư nợ vay

Bảng 26. Các khoản vay và nợ của Công ty

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Vay và nợ vay ngắn hạn	94.439.625.621	80.606.399.315	87.631.448.329
2	Vay và nợ vay dài hạn	1.161.331.500	-	-
Tổng cộng		95.600.957.121	80.606.399.315	87.631.448.329

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, năm 2020 và BCTC quý 3/2021 của Công ty

Cụ thể dư nợ vay theo từng ngân hàng tại thời điểm 30/09/2021 như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (Đồng)	Số có khả năng trả nợ (Đồng)	Mục đích vay
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch	17.746.294.934	17.746.294.934	Bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Đa	20.389.751.617	20.389.751.617	Bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng TMCP MB – Chi nhánh Điện Biên Phủ	17.616.704.123	17.616.704.123	Bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch	4.649.189.873	4.649.189.873	Bổ sung vốn lưu động
Vay cá nhân	27.229.507.782	27.229.507.782	Bổ sung vốn lưu động

2.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2021 nước ta chứng kiến làn sóng dịch bệnh Covid-19 lần thứ 4 gây hậu quả nặng nề nhất từ trước đến nay. Nhằm thực thi những biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính Phủ, một số địa phương nước ta phải thực hiện giãn cách xã hội, từ đó khiến chuỗi cung ứng bị gián đoạn, giao thương hàng hóa khó khăn. Làn sóng dịch bệnh Covid-19 lần thứ 4 có phần ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và phân phối của Chi nhánh Bắc Giang, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và nhà máy sản xuất tại Hà Nội của Công ty.

Tuy nhiên, với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dược phẩm - lĩnh vực hoạt động thiết yếu, Công ty vẫn duy trì sản xuất và kinh doanh ổn định, đồng thời luôn chấp hành nghiêm túc các quy định phòng, chống dịch của Thủ tướng đề ra. Tính đến thời điểm hiện tại, các kết quả hoạt động kinh doanh, các chỉ tiêu tài chính của Công ty vẫn nằm trong kế hoạch đề ra.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 27. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/giảm
1. Khả năng thanh toán			
<i>Hệ số thanh toán ngắn hạn</i>	0,17	1,21	611,76%
<i>Hệ số thanh toán nhanh</i>	0,84	0,94	11,90%
2. Cơ cấu vốn			
<i>Hệ số Nợ/Tổng tài sản</i>	0,7	0,65	-7,14%
<i>Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu</i>	2,37	1,88	-20,68%
3. Năng lực hoạt động			
<i>Vòng quay tổng tài sản</i>	1,33	0,95	-28,57%
<i>Vòng quay vốn lưu động</i>	9,79	1,19	-87,84%
<i>Vòng quay hàng tồn kho</i>	3,33	3,60	8,11%
4. Khả năng sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)</i>	4,93%	4,68%	-5,07%

Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	6,54%	4,47%	-31,65%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	22,85%	13,93%	-39,04%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	5.373	3.889	-27,62%

Nguồn: Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex

Về khả năng thanh toán, cả hai hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh năm 2020 của Công ty đều có sự cải thiện, trong đó hệ số thanh toán ngắn hạn tăng hơn 600% và hệ số thanh toán nhanh tăng nhẹ 11,9%. Hệ số thanh toán nhanh năm 2020 lớn hơn 1 cho thấy khả năng chi trả cho các khoản nợ ngắn hạn sử dụng các tài sản ngắn hạn của Công ty tương đối tốt. Tương tự, hệ số thanh toán nhanh xấp xỉ 1 và không quá chênh lệch với hệ số thanh toán ngắn hạn cho thấy tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp không phụ thuộc quá nhiều vào hàng tồn kho và khả năng chi trả cho các khoản nợ ngắn hạn mà không cần phải bán hàng tồn kho tương đối tốt.

Về cơ cấu vốn, 65% nguồn vốn của Công ty năm 2020 đến từ nợ, trong khi đó tỷ lệ này năm 2019 là 70%. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2020 là 1,88 lần, giảm 20,68% so với năm 2019. Cả hai hệ số đều cho thấy xu hướng giảm tỷ trọng nợ để tài trợ cho các dự án và hoạt động của Công ty.

Về năng lực hoạt động, vòng quay tổng tài sản và vòng quay vốn lưu động của Công ty năm 2020 đều giảm, lần lượt đạt 0,95 và 1,19, đặc biệt hệ số vòng quay vốn lưu động giảm đáng kể 87,84% so với năm 2019. Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 3,33 năm 2019 lên 3,6 năm 2020 cho thấy sự cải thiện trong năng lực quản trị hàng tồn kho của Công ty.

Về khả năng sinh lời, năm 2020 do tình hình kinh doanh không thuận lợi nên các chỉ số về khả năng sinh lời như ROA, ROE và EPS của công ty giảm đáng kể, lần lượt với mức giảm 5,07%, 31,65%, 39,04% và 27,62% so với năm 2019.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của Tổ chức phát hành: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 và ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 02 năm tài

chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2021

Bảng 28. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2021

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	% tăng/giảm so với năm trước
Doanh thu thuần	521.390.572.993	451.387.909.247	-13,43%
Lợi nhuận sau thuế	24.421.999.701	24.052.369.445	-1,51%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,68%	5,33%	13,88%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	13,93%	13,2%	-5,24%
Tỷ lệ cổ tức	30%	20% - 30% (*)	-

Nguồn: Công ty

() Tỷ lệ cổ tức có thể thay đổi do Công ty dự kiến hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ trong năm 2021*

Bảng 29. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sản lượng
1	Sản xuất công nghiệp		
	• Sản lượng 02 NM	Viên, túi, tup	574.995.140
	<i>Giá trị nhập kho</i>	VND	328.243.510.900
	• Xưởng SCCBDL	Kg	135.994
	<i>Giá trị nhập kho</i>	VND	44.451.949.570
	• Xưởng SCCBDL chi nhánh Hồ Chí Minh	Kg	140.25
	<i>Giá trị nhập kho</i>	VND	35.296.724.211
2	Tổng giá trị bán	VND	451.387.909.247

3	Giá vốn hàng bán	VNĐ	339.949.376.315
4	Lợi nhuận gộp	VNĐ	111.438.532.932
5	Tổng Chi phí	VNĐ	77.273.071.126
6	Tháng lương thứ 13 hàng năm	VNĐ	4.100.000.000
7	Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	30.065.461.806
8	Tỷ lệ dự kiến chi trả cổ tức	20-30%/ Vốn điều lệ 62.800.950.000đ	

Nguồn: Báo cáo HĐQT tại ĐHDCD năm 2021

4.2. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên: Đại hội đồng cổ đông

4.3. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Dự kiến giai đoạn từ năm 2020 trở đi kết quả kinh doanh của Công ty sẽ tăng trưởng tốt và bền vững do những yếu tố được đánh giá dựa trên kết quả thực hiện của Công ty năm 2020 như sau:

- Cơ cấu ban Tổng Giám đốc phù hợp với nhiệm vụ và đặc điểm của Công ty. Các thành viên Ban Tổng giám đốc có trình độ, chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong quản lý điều hành
- Công ty đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của hội đồng quản trị. Báo cáo định kỳ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong mỗi kỳ họp của hội đồng quản trị. Tuân thủ đúng điều lệ Công ty, quy chế quản trị, quy chế quản lý tài chính và các quy định của Pháp luật.
- Những thuận lợi và khó khăn của Công ty được nhận thức rõ nên ban Tổng giám đốc đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời đã ban hành các quy định, quyết định, văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Tổng giám đốc để nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban hành các chính sách thu hút khách hàng, các giải pháp nhằm quản trị chặt chẽ chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, các chi phí quản lý.
- Công tác đầu tư mua sắm cũng được thực hiện chặt chẽ đúng theo quy định của Công ty và của pháp luật.
- Phối hợp với Công đoàn Công ty chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

4.4. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm tới là phù hợp và khả thi, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Công ty có thể được đảm bảo thực hiện.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 119 của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13: “Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”.

Công ty cổ phần Dược Trung Ương Mediplantex hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 12/04/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/04/2005, toàn bộ cổ phiếu của cổ đông sáng lập tại thời điểm đăng ký lần đầu ngày 12/04/2005 đã hết thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng. Vì vậy danh sách cổ đông sáng lập của Công ty sẽ không được liệt kê tại đây.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Bảng 30. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 30/09/2021

STT	Tên	Năm sinh/ Năm thành lập	Quốc tịch	Số ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Vốn điều lệ (đồng)	Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền tại TCPH (tên và chức vụ)	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ hiện tại
1	Trần Nguyễn Hoàng Phúc	1991	Việt Nam	024699577	506/15/34 đường 3/2, P.14, Q.10, TP.HCM			1.380.950	21,99%
2	Nguyễn Ngọc Xuân Trang	1966	Việt Nam	079166010931	506/15/34 Đường 3/2, P.14, Q.10, Tp HCM			1.065.625	16,97%
3	Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP	1974	Việt Nam	0100109385	Số 12, Phố Ngô Tất Tố, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt	2.370.000.000.000	Ông Trần Anh Tuấn – Kế toán trưởng là người đại diện phần vốn của TCT	713.750	11,37%

						Nam	Dược Việt Nam tại MED	
4	Trần Hoàng Dũng	1960	Việt Nam	023771087	Số 8F Nguyễn Thị Tần -P 2 Q 8 - TP HCM		500.000	7,96%
5	Nguyễn Ngọc Tuyền	1977	Việt Nam	001077001507	Tháp B - CT2 KĐT mới Trung Vân, Nam Từ Liêm, HN		26.790,1	0,43%
6	Nguyễn Ngọc Hung	1985	Việt Nam	001085015027	Xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội		350.000	5,57%

Nguồn: Công ty

Bảng 31. Danh sách người có liên quan của cổ đông lớn

Số	Tên	Số CMND/ĐKKD	Chức vụ/ Quan hệ	Địa chỉ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1. Người có liên quan của Bà Trần Nguyễn Hoàng Phúc						
1.1	Trần Hoàng Dũng	023771087	Bố ruột	Số 8F Nguyễn Thị Tần, P.2, Q.8, HCM	500.000	7,96 %
1.2	Nguyễn Ngọc Xuân Trang	021659455	Mẹ ruột	16/87/48-50 Nguyễn Thiện Thuật, P2, Q3, HCM	1.065.625	16,97 %
1.3	Trần Nguyễn Hoàng An	012819160	Em ruột	Số 8F Nguyễn Thị Tần, P.2, Q.8, HCM	43.750	0.7%
1.4	Trần Nguyễn Hoàng Hy	Còn nhỏ	Em ruột	Số 8F Nguyễn Thị Tần, P.2, Q.8, HCM	0	0%
2. Người có liên quan của Bà Nguyễn Ngọc Xuân Trang						
2.1		Đã mất	Bố ruột			
2.2		Đã mất	Mẹ ruột			
2.3	Trần Hoàng Dũng	023771087	Chồng	Số 8F Nguyễn Thị Tần, P.2, Q.8, HCM	500.000	7,96 %
2.4	Trần Nguyễn Hoàng Phúc	024699577	Con ruột	Số 506/15/34 Đường 3/2, P.14, Q.10, HCM	1.380.950	21,99 %
2.5	Trần Nguyễn Hoàng An	012819160	Con ruột	Số 8F Nguyễn Thị Tần, P.2, Q.8, HCM	43.750	0.7%
2.6	Trần Nguyễn Hoàng Hy	Còn nhỏ	Con ruột	Số 8F Nguyễn Thị Tần, P.2, Q.8, HCM	0	0%
3. Người liên quan đến Ông Trần Anh Tuấn – đại diện Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP						
3.1	Trần Anh Sơn	012909924	Cha ruột	Hai Bà Trưng, Hà Nội	0	0%
3.2	Phạm Thị Phụng	Đã mất	Mẹ ruột		0	0%
3.3	Trần Thị Bích Ngọc	001179008904	Chị ruột	Hoàng Mai, Hà Nội	0	0%

3.4	Nguyễn Thị Hồng Vân	011867522	Vợ	Hai Bà Trưng, Hà Nội	0	0%
3.5	Trần Tuấn Anh	Còn nhỏ	Con ruột	Hai Bà Trưng, Hà Nội	0	0%
3.6	Trần Tuấn Minh	Còn nhỏ	Con ruột	Hai Bà Trưng, Hà Nội	0	0%
4. Người có liên quan của Ông Trần Hoàng Dũng						
4.1	Trần Hoàng Thương	340656440	Bố ruột	Xã Phong Mỹ, Cao Lãnh, Đồng Tháp	0	0%
4.2	Lương Thị Ngọc Xoàn	340203158	Mẹ ruột	Xã Phong Mỹ, Cao Lãnh, Đồng Tháp	0	0%
4.3	Nguyễn Ngọc Xuân Trang	021659455	Vợ	16/87/48-50 Nguyễn Thiện Thuật, P2, Q3, HCM	1.065.625	16,97%
4.4	Trần Nguyễn Hoàng Phúc	024699577	Con ruột	Số 506/15/34 Đường 3/2, P.14, Q.10, HCM	1.380.950	21,99%
4.5	Trần Nguyễn Hoàng An	012819160	Con ruột	Số 8F Nguyễn Thị Tần, P.2, Q.8, HCM	43.750	0,7%
4.6	Trần Nguyễn Hoàng Hy			Số 8F Nguyễn Thị Tần, P.2, Q.8, HCM	0	0%
5. Người có liên quan của Ông Nguyễn Ngọc Tuyên						
5.1	Nguyễn Ngọc Viễn	001054005226	Bố ruột	Xã Tân Lập - H. Đan Phượng, Hà Nội	0	0%
5.2	Quách Thị Hòa	110363684	Mẹ ruột	Xã Tân Lập - H. Đan Phượng, Hà Nội	0	0%
5.3	Trần Thị Mỹ	001179001696	Vợ	Phòng 1416, Tháp B - CT2 KĐT mới Trung Văn, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0%
5.4	Nguyễn Ngọc Trường Sơn	Còn nhỏ	Con ruột	Phòng 1416, Tháp B - CT2 KĐT mới Trung Văn, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0%

				Văn, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội		
5.5	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	Còn nhỏ	Con ruột	Phòng 1416 ,Tháp B - CT2 KĐT mới Trung Văn, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0%
5.6	Nguyễn Ngọc Huấn	111342423	Anh ruột	số 11 ngõ 528 La Thành, Ba Đình, Hà Nội	0	0%
5.7	Nguyễn Ngọc Hưng	001085015027	Em ruột	Số 26 ngõ 262 Đường Thanh Bình - Q. Hà Đông - Hà Nội	350.000	5,57%
6. Người có liên quan của Ông Nguyễn Ngọc Hưng						
6.1	Nguyễn Ngọc Viễn	001054005226	Bố ruột	Xã Tân Lập - H. Đan Phượng, Hà Nội	0	0%
6.2	Quách Thị Hòa	110363684	Mẹ ruột	Xã Tân Lập - H. Đan Phượng, Hà Nội	0	0%
6.3	Trần Thị Thanh Tâm	012891211	Vợ	Số 1 dãy T tổ dân phố số 5, Phùng khoang, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	0	0%
6.4	Nguyễn Ngọc Huy	Còn nhỏ	Con ruột	Số 26 ngõ 262 Đường Thanh Bình - Q. Hà Đông - Hà Nội	0	0%
6.5	Nguyễn Ngọc Ánh Dương	Còn nhỏ	Con ruột	Số 26 ngõ 262 Đường Thanh Bình - Q. Hà Đông - Hà Nội	0	0%
6.6	Nguyễn Ngọc Huấn	111342423	Anh ruột	số 11 ngõ 528 La Thành, Ba Đình, Hà Nội	0	0%
6.7	Nguyễn Ngọc Tuyên	001077001507	Anh ruột	Phòng 1416 Tháp B -	26.790,1	0,43

				CT2 KĐT mới Trung Văn, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội		%
--	--	--	--	---	--	---

Nguồn: Công ty

- Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của cổ đông lớn và người có liên quan dự kiến sau đợt chào bán: Do Công ty chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1 (1 cổ phần hiện hữu được nhận 1 cổ phần mới) nên nếu cổ đông lớn và người có liên quan thực hiện quyền mua cổ phiếu của mình thì tỷ lệ sở hữu cổ phần dự kiến sau đợt chào bán không thay đổi.
- Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: Không có
- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành, nêu các thông tin sau: Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

Bảng 32. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đoàn Thị Hồng Thúy	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Hoàng Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Lê Hồng Trung	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Ngọc Tuyên	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Tiên Phong	Thành viên HĐQT
6	Đỗ Văn Tấn	Thành viên HĐQT độc lập
7	Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập

Nguồn: Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex

a) Bà Đoàn Thị Hồng Thúy – Chủ tịch HĐQT

- Sinh năm: 1951
- Quốc tịch: Việt Nam
- Học vấn: Dược sỹ chuyên khoa I
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1997 – 2009: PTGD Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
 - + Từ 2010 – tháng 04/2012: Tổng giám đốc Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
 - + Từ 05/2015 đến 2019: Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
 - + Từ 2020 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dược Mediplantex Miền Nam, cụ thể:
 - + Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Dược Mediplantex Miền Nam
 - + Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh dược phẩm, thực phẩm chức năng; Kinh doanh nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thực phẩm và công nghệ; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Trồng cây dược liệu; Dịch vụ nghiên cứu khoa học,

chuyển giao công nghệ, tư vấn, đào tạo huấn luyện chuyên ngành y dược; Doanh nghiệp sản xuất thuốc (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)

- + Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Cam kết báo cáo đầy đủ với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát khi có phát sinh lợi ích có liên quan với công ty
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 136.612 CP, chiếm 2,18% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan:
Nguyễn Bá Quang (Con ruột): 9.087 CP, chiếm 0,14% VDL
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thủ lao Thành viên HĐQT
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- b) Ông Trần Hoàng Dũng - Phó Chủ tịch HĐQT**
 - Sinh năm: 1960
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Học vấn: Dược sỹ chuyên khoa I
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 2008 – 2010: Thành viên HĐQT Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
 - + Từ 2011 – 2014: Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
 - + Từ 2015 – 2016: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
 - + Từ 2017 đến 2019: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
 - + Từ 2020 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
 - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
 - Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 500.000 CP, chiếm 7,96% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan:
Nguyễn Ngọc Xuân Trang (Vợ): 1.065.625 CP, chiếm 16,97% VDL
Trần Nguyễn Hoàng Phúc (Con ruột): 1.380.950 CP, chiếm 21,99% VDL
Trần Nguyễn Hoàng An (Con ruột): 43.750 CP, chiếm 0,7% VDL

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thủ lao Thành viên HĐQT; Lương Tổng Giám đốc
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

c) Ông Lê Hồng Trung – Thành viên HĐQT

- Sinh năm: 1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Học vấn: Dược sỹ
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2010 đến 04/2015: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng kinh doanh Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
 - + Từ 05/2015 đến nay: Thành viên HĐQT, PTGD Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 25.015 CP, chiếm 0,40% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 CP, chiếm 0% VDL
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thủ lao Thành viên HĐQT; Lương Phó Tổng Giám đốc
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

d) Ông Nguyễn Ngọc Tuyên – Thành viên HĐQT

- Sinh năm: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Học vấn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ 05/2018 đến nay: Thành viên HĐQT, PTGD Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 359.661 CP, chiếm 5,73% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan:

Nguyễn Ngọc Hưng (Em ruột): 350.000 CP, chiếm 5,57% VDL

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thủ lao Thành viên HĐQT; Lương Phó Tổng Giám đốc
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

e) Ông Nguyễn Tiên Phong – Thành viên HĐQT

- Sinh năm: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Học vấn: Dược sỹ
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2005-2009: Phó Giám đốc Nhà máy dược phẩm số 2 Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
 - + Từ 2009-04/2017: Giám đốc Nhà máy dược phẩm số 2 Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
 - + Từ 05/2017-04/2018: PTGD Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
 - + Từ 05/2018 đến nay: Thành viên HĐQT, PTGD Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan:

Ngô Thị Ngọc Hạnh (Vợ): 7.400 CP chiếm 0,12% VDL

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thủ lao Thành viên HĐQT; Lương Phó Tổng Giám đốc
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

f) Ông Đỗ Văn Tấn – Thành viên HĐQT độc lập

- Sinh năm: 1949
- Quốc tịch: Việt Nam
- Học vấn: Dược sỹ
- Quá trình công tác:
 - + Từ 2013 – 2017: Giám đốc Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Hương

+ Từ 04/2018 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 CP chiếm 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thù lao Thành viên HĐQT
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

g) Ông Trần Anh Tuấn – Thành viên HĐQT độc lập

- Sinh năm: 1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Học vấn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ 04/2018 – nay: Kế toán trưởng Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
 - + Từ 04/2018 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP, cụ thể:
 - + Tên doanh nghiệp: Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP
 - + Hoạt động kinh doanh chính: Nghiên cứu, sản xuất, lưu thông, xuất nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, hoá chất, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng
 - + Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Cam kết báo cáo đầy đủ với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát khi có phát sinh lợi ích có liên quan với công ty
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 713.750 CP, chiếm 11,37% vốn điều lệ - Đại diện Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 CP chiếm 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thù lao Thành viên HĐQT
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

3.2. Ban Kiểm soát

Bảng 33. Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Phùng Minh Thơm	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Hoàng Phi	Thành viên BKS
3	Dương Thị Minh Nguyệt	Thành viên BKS

Nguồn: Công ty

a) Ông Phùng Minh Thơm

- Sinh năm: 1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Học vấn: Thạc sỹ QTKD, CNKT
- Quá trình công tác:
 - + Từ 11/2005 – 06/2008: Nhân viên kế toán tại Công ty CP Dược TW Mediplantex
 - + Từ 07/2008-03/2010: Phó phòng Hành chính Nhà máy 2 tại Công ty CP Dược TW Mediplantex
 - + Từ 04/2010- nay: Trưởng phòng Hành chính Nhà máy 2 tại Công ty CP Dược TW Mediplantex
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thù lao Thành viên BKS, Lương TP Hành chính Nhà máy 2
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

b) Bà Nguyễn Thị Hoàng Phi:

- Sinh năm: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Học vấn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ 4/2018 – nay: Nhân viên KH – XNK tại Công ty CP Dược TW Mediplantex
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan:
Nguyễn Kim Hoàn (Chồng): 162 CP, chiếm 0,003% vốn điều lệ
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thù lao Thành viên BKS, Lương NV P.KH-XNK
 - Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có
- c) Bà Dương Thị Minh Nguyệt:**
- Sinh năm: 1977
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Học vấn: Cử nhân kế toán
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 10/2004 – nay: Nhân viên tại Công ty CP Dược TW Mediplantex
 - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
 - Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 90.300 CP, chiếm 1,44% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan:
Lê Việt Hà (chồng): 1.250 CP, chiếm 0,02% vốn điều lệ
 - Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Thù lao Thành viên BKS, Lương NV P. KD DL
 - Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

3.3. Ban Tổng giám đốc

Bảng 34. Thành viên Ban Tổng giám đốc

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ
1	Trần Hoàng Dũng	Tổng Giám đốc
2	Lê Hồng Trung	Phó TGD
3	Nguyễn Ngọc Tuyên	Phó TGD
4	Nguyễn Tiên Phong	Phó TGD
5	Nguyễn Chí Kiên	Phó TGD

6	Lã Trang Nhung	Kế toán trưởng
---	----------------	----------------

Nguồn: Công ty

- a) Ông Trần Hoàng Dũng: đã giới thiệu tại mục 3.1.
- b) Ông Lê Hồng Trung: đã giới thiệu tại mục 3.1
- c) Ông Nguyễn Ngọc Tuyên: đã giới thiệu tại mục 3.1.
- d) Ông Nguyễn Tiên Phong: đã giới thiệu tại mục 3.1.
- e) Ông Nguyễn Chí Kiên:

- Năm sinh: 1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Học vấn: Thạc sỹ Dược
- Quá trình công tác:
 - Từ 2010- 04/2017: Trưởng phòng kế hoạch& Cung ứng vật tư Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex.
 - Từ 05/2017 đến nay: PTGD Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 1.787 CP, chiếm 0,03% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Lương Phó Tổng Giám đốc
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

f) Bà Lã Thị Trang Nhung

- Năm sinh: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Học vấn: Thạc sỹ Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 2003 – 2009: Nhân viên phòng kế toán Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex.
 - Từ 2010 – 2016: Phó Phòng Kế toán Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex.
 - Từ 2017 – đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Dược Trung ương Mediplantex.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

- Số lượng cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 CP, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 CP, chiếm 0% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Lương Kế toán trưởng
- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

3.4. Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành

Bảng 35. Thu nhập trong năm 2020 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc (gồm tiền lương, thưởng, thù lao)

Đơn vị: đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Thu nhập
Hội đồng quản trị & Ban Tổng Giám đốc			
1	Ông Trần Hoàng Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	1.784.500.000
2	Bà Đoàn Thị Hồng Thúy	Chủ tịch HĐQT	534.500.000
3	Ông Lê Hồng Trung	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	982.300.000
4	Ông Nguyễn Tiên Phong	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	1.002.300.000
5	Ông Nguyễn Ngọc Tuyên	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	1.002.600.000
6	Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	188.000.000
7	Ông Đỗ Văn Tấn	Thành viên HĐQT	188.000.000
8	Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Tổng Giám đốc	795.600.000
Ban kiểm soát			
9	Ông Phùng Minh Thơm	Trưởng BKS	266.300.000
10	Bà Nguyễn Thị Hoàng Phi	Thành viên BKS	248.752.681
11	Bà Nguyễn Diệu Khanh	Thành viên BKS	229.394.917

Nguồn: Công ty

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 6.280.095 cổ phiếu
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 62.800.950.000 đồng
5. Giá chào bán dự kiến: 25.000 đồng/cổ phiếu
6. Phương pháp tính giá

Công ty sử dụng kết hợp các phương pháp *Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu* và *Giá thị trường* của cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex (mã chứng khoán: MED) để làm cơ sở cho việc xác định giá phát hành.

- *Giá trị sổ sách một cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex tại thời điểm 31/12/2020 (Dựa trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020)*

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{181.793.523.834}{6.280.095} \\ &= 28.947 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

- *Theo phương pháp giá trị thị trường:*

Hiện cổ phiếu MED đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Giá giao dịch bình quân 03 tháng gần đây nhất (từ 04/01/2021 đến 31/03/2021) của cổ phiếu MED là 39.450 đồng/cổ phiếu.

Giá cổ phiếu của Công ty sau khi phát hành sẽ chịu tác động của việc phát hành thêm 100% cổ phiếu mới so với số lượng cổ phiếu lưu hành hiện tại sẽ dẫn đến sự pha loãng của cổ phiếu, mặt khác thị trường chứng khoán hiện tại bị nhiều yếu tố vĩ mô tác động đến tâm lý nhà đầu tư. Trên cơ sở đánh giá các mức giá và yếu tố trên và để đảm bảo sự thành công cho đợt phát hành cũng như để tạo giá trị thặng dư cho cổ đông, Công ty đề xuất mức giá chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là **25.000 đồng/cổ phiếu**.

7. Phương thức phân phối

Chào bán cho cổ đông hiện hữu tương ứng với tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ:

- Tỷ lệ phân phối: 1:1 (Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách được quyền mua

thêm 01 cổ phiếu phát hành mới).

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết: Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu không chào bán hết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đối tượng phân phối với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho các cổ đông hiện hữu).

Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết được phân phối cho các đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật. Việc xử lý cổ phiếu không phân phối hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: không có.
- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: tối thiểu 20 ngày kể từ ngày được phép thực hiện quyền hoặc chuyển nhượng quyền mua theo thời gian đã công bố.
- Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 uỷ quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đối tượng mua phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho các cổ đông hiện hữu. Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết phân phối cho các đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu:

Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.

Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu: Cổ đông làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua tại Trụ sở Công ty và nộp tiền vào tài khoản phong toà của Công ty.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Bảng 36. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Nhận giấy phép đăng ký chào bán chứng khoán từ UBCK	T
2	Công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	T + 5
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền	T + 7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	T + 15
5	Ngày đăng ký cuối cùng	T + 17
6	Phân bổ và thông báo quyền mua	T + 24
7	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền đặt mua	T + 24 đến T + 44
8	Tổng hợp danh sách	T + 51
9	Gửi báo cáo kết quả chào bán cổ phần cho UBCK	T + 53
10	Lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung	T + 57
11	Trao giấy chứng nhận sở hữu cho nhà đầu tư mua thành công	T + 57 đến T + 77

Nguồn: Công ty

Lưu ý:

- Thời gian trên chỉ là dự tính, thời gian thực tế phụ thuộc vào quá trình thụ lý và xét duyệt hồ sơ của các cơ quan chức năng và có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế tại thời điểm thực hiện.
- T là ngày nhận được Giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN.

10. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu phổ thông để chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty.

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu), quyền nhận theo hướng dẫn tại mục VII.7, VII.8 và VII.9 của Bản cáo bạch này.

Trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng lần này, Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex không thực hiện bảo lãnh phát hành.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ đông chỉ được chuyển nhượng quyền mua 01 lần. Trường hợp cổ đông từ chối quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên thứ hai nhưng bên thứ hai không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cổ phiếu cho bên thứ ba.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

- Tên Chủ tài khoản: Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex
- Số tài khoản: 0000.1511.85985
- Ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

- Không có

14. Hủy bỏ đợt chào bán

- Không có

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Tờ trình số 14/2021/TTr-ĐHĐCĐ của Hội đồng quản trị về việc thông qua Phương án tăng vốn điều lệ Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại MED là 49%.

Tuy nhiên, sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, thực hiện quy định về nghĩa vụ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty đại chúng theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Công ty đã thực hiện thông báo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại MED tới UBCKNN. Ngày 07/06/2021, Công ty nhận được Công văn số 2617/UBCK-PTTT của UBCKNN và được biết tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại MED là 0%.

Do đó, hiện nay tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa được xác định tại MED là 0% và Công ty cũng đã thực hiện cập nhật nội dung này tại Nghị quyết HĐQT số 06/2021/NQ-HĐQT ngày 16/06/2021 và

Nghị quyết HĐQT số 11/2021/NQ-HĐQT ngày 29/07/2021 về việc thông qua triển khai chi tiết Phương án tăng vốn điều lệ công ty năm 2021 theo Tờ trình số 14/2001/TTr-DHĐCD ngày 02/04/2021 đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCD thường niên số 01/2021/NQ-DHĐCD/MED ngày 27/04/2021. Hội đồng quản trị sẽ báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất về việc cập nhật tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.

Hiện tại, tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật là 0% Vốn điều lệ. Việc phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tại công ty, cụ thể các nhà đầu tư nước ngoài tại MED tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu vẫn được thực hiện quyền mua nhưng không được nhận chuyển nhượng quyền mua và trong trường hợp số cổ phần không phân phối hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua, Hội đồng quản trị cam kết sẽ không phân phối lại cho đối tượng là các nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại MED.

16. Các loại thuế có liên quan

16.1. Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán: Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.
- Thu nhập từ cổ tức: Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

16.2. Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán: Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

17. Thông tin về các cam kết

- Cam kết về việc thực hiện niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
- Cam kết tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

- Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Huy động vốn nhằm thực hiện thanh toán phí tư vấn, mua sắm máy móc, thiết bị và bổ sung nguồn vốn lưu động (trả lương cho cán bộ công nhân viên).

2. Phương án khả thi (trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án)

- Không có

3. Thông tin về tình hình triển khai dự án

- Không có

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền thu được từ việc phát hành dự kiến là 157.002.375.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy tỷ hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) sẽ dùng để mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ công tác sản xuất kinh doanh của Công ty và Bổ sung vốn lưu động, trả lương cho cán bộ công nhân viên. Cụ thể như sau:

Bảng 37. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

STT	Đối tượng	Tổng số tiền cần sử dụng theo kế hoạch (đồng)	Số tiền dự kiến được giải ngân từ đợt chào bán (đồng)	Thời gian thực hiện dự kiến
1	Thanh toán chi phí dịch vụ tư vấn và các dịch vụ khác.	20.425.590.000	20.000.000.000	Năm 2021 – 2022
2	Mua sắm máy móc, thiết bị	207.074.995.530	120.000.000.000	Năm 2021 –

				2022
3	Bổ sung nguồn vốn lưu động (trả lương cho CBCNV)	17.002.821.600	17.002.375.000	Năm 2021 – 2022
	Tổng cộng	244.503.407.130	157.002.375.000	

Nguồn: Tờ trình thông qua Phương án tăng vốn điều lệ Công ty

Chi tiết kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán như sau:

Phục vụ công tác sản xuất kinh doanh năm 2021 – 2022, Ban Điều hành Công ty ban hành chủ trương đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị mới cho nhà Văn phòng (theo tiêu chuẩn WHO – EU) nhà xưởng B – Xưởng sản xuất sản phẩm đông dược (theo tiêu chuẩn WHO) của dự án “Trung tâm Khoa học Công nghệ Dược và Nhà máy ứng dụng sản xuất Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-EU”. Theo chủ trương của Ban Điều hành công ty đề ra, dự án “Trung tâm Khoa học Công nghệ Dược và Nhà máy ứng dụng sản xuất Dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-EU” sẽ xây dựng xong và đưa vào hoạt động sản xuất trong Quý I/2023. Công ty dự kiến sử dụng số tiền 120.000.000.000 đồng thu được từ đợt chào bán để thanh toán cho các hợp đồng mua sắm máy móc, thiết bị theo chủ trương.

Bảng 38. Kế hoạch mua sắm máy móc, thiết bị

Đơn vị: đồng

STT	Tòa nhà/Vị trí	Tên thiết bị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền	
			WHO	WHO+ EU		Theo tiêu chuẩn WHO	Theo tiêu chuẩn WHO - EU
1	B	Xe nâng	2		500.000.000	1.000.000.000	-
2	B	Giá kệ	1		1.000.000.000	1.000.000.000	-
3	B	Pallet	1647		500.000	823.500.000	-
4	B	LAB	1		300.000.000	300.000.000	-
5	B	Booth cân	1		300.000.000	300.000.000	-
6	B	Cân 15kg	1		20.000.000	20.000.000	-
7	B	Cân 100kg	1		30.000.000	30.000.000	-
8	B	Booth cân	1		300.000.000	300.000.000	-

9	B	Cân 15kg	1		20.000.000	20.000.000	-
10	B	Cân 100kg	1		30.000.000	30.000.000	-
11	B	Máy giặt sấy	1		50.000.000	50.000.000	-
12	B	Máy rửa DL	1		75.000.000	75.000.000	-
13	B	Nồi chung và nấu	1		145.000.000	145.000.000	-
14	B	Máy thái DL	1		18.500.000	18.500.000	-
15	B	Máy thái DL	3		18.000.000	54.000.000	-
16	B	Tủ sấy	1		120.000.000	120.000.000	-
17	B	Tủ sấy	1		120.000.000	120.000.000	-
18	B	Cân điện tử 100kg	1		30.000.000	30.000.000	-
19	B	Cân điện tử 15kg	1		20.000.000	20.000.000	-
20	B	Tủ sấy 2 cửa	1		150.000.000	150.000.000	-
21	B	Tủ sấy 2 cửa	1		150.000.000	150.000.000	-
22	B	Máy xay DL	1		320.775.000	320.775.000	-
23	B	Hệ thống cô cao (Cô cầu)	1		298.450.000	298.450.000	-
24	B	Máy sấy chân không giảm áp bằng tải	1		4.843.350.000	4.843.350.000	-
25	B	Máy xay cao	1		320.775.000	320.775.000	-
26	B	Cân điện tử 100kg	1		30.000.000	30.000.000	-
27	B	Cân ẩm	1		30.000.000	30.000.000	-
28	B	Cân kỹ thuật	1		20.000.000	20.000.000	-

29	B	Thiết bị đo tỷ trọng	1		1.400.000	1.400.000	-
30	B	Cân điện tử 100kg	1		30.000.000	30.000.000	-
31	B	Cân điện tử	1		30.000.000	30.000.000	-
32	B	Máy giặt sấy	1		50.000.000	50.000.000	-
33	B	Hệ thống rửa chai = máy rửa	1		500.000.000	500.000.000	-
34	B	Tủ sấy 2 cửa	1		148.000.000	148.000.000	-
35	B	Tủ sấy 2 cửa	1		148.000.000	148.000.000	-
36	B	Hệ thống chiết xuất siêu tới hạn	1		8.878.300.000	8.878.300.000	-
37	B	Hệ thống chiết xuất (dự phòng)	1		2.140.850.000	2.140.850.000	-
38	B	Hệ thống chiết xuất cá nước/cồn	1		3.870.450.000	3.870.450.000	-
39	B	Bơm + Tháp giải nhiệt	1		942.350.000	942.350.000	-
40	B	Chi phí lắp đặt + Vật liệu	1		1.790.700.000	1.790.700.000	-
41	B	Máy xay NL	1		2.162.105.000	2.162.105.000	-
42	B	Booth cân	1		300.000.000	300.000.000	-
43	B	Cân điện tử 15kg	1		20.000.000	20.000.000	-

44	B	Cân điện tử 100kg	1		30.000.000	30.000.000	-
45	B	Nồi nấu hồ	1		150.000.000	150.000.000	-
46	B	Tủ sấy tĩnh	1		145.000.000	145.000.000	-
47	B	Máy trộn cao tốc	1		5.934.202.000	5.934.202.000	-
48	B	Option máy trộn cao tốc : Sensor đo lưu lượng dịch phun (gam/phút)	1		312.236.000	312.236.000	-
49	B	Option máy trộn cao tốc : Chuyển sang dùng máy tính công nghiệp và UPS	1		113.534.000	113.534.000	-
50	B	Máy rây sữa hạt + Máy xát hạt	1		2.356.541.000	2.356.541.000	-
51	B	Máy sấy tầng sôi	1		7.587.116.000	7.587.116.000	-
52	B	Option Máy sấy tầng sôi: Sensor đo lưu lượng dịch phun (gam/phút)	1		312.236.000	312.236.000	-

53	B	Option Máy sấy tầng sôi: Thiết bị đếm bụi, kiểm soát túi lọc sản phẩm bị rách	1		191.439.000	191.439.000	-
54	B	Option Máy sấy tầng sôi: Chuyển sang dùng máy tính công nghiệp và UPS	1		113.500.000	113.500.000	-
55	B	Thiết bị phụ trợ	1		1.530.254.000	1.530.254.000	-
56	B	Máy trộn đa phương	1		2.546.075.000	2.546.075.000	-
57	B	Option Máy trộn đa phương: Điều khiển bằng PLC S7-1200 và màn hình màu HMI 7"	1		177.278.000	177.278.000	-
58	B	Máy dập viên nén	1		3.886.430.000	3.886.430.000	-
59	B	Máy đóng nang	1		1.765.000.000	1.765.000.000	-

60	B	Máy đóng nang	1		850.000.000	850.000.000	-
61	B	Cân điện tử 15kg	5		20.000.000	100.000.000	-
62	B	Máy lau viên (viên nang)	2		60.000.000	120.000.000	-
63	B	Máy lau viên (viên nén)	1		150.000.000	150.000.000	-
64	B	Máy nghiền keo	2		70.000.000	140.000.000	-
65	B	Máy bao viên	1		7.579.386.000	7.579.386.000	-
66	B	Máy bao viên (Option): Cảm biến đo nồng độ cồn	1		296.977.000	296.977.000	-
67	B	Máy bao viên (Option): Chuyển đổi motor quạt hút sang loại chống cháy nổ	1		319.285.000	319.285.000	-
68	B	Máy bao viên (Option): Kiểm soát lưu lượng dịch phun bằng Mass	1		312.967.000	312.967.000	-

		Flowmeter					
69	B	Cân ẩm	1		30.000.000	30.000.000	-
70	B	Cân kỹ thuật	1		20.000.000	20.000.000	-
71	B	Máy đo độ rã	1		164.000.000	164.000.000	-
72	B	Máy đo độ cứng	1		190.000.000	190.000.000	-
73	B	Máy thử độ kín	1		180.000.000	180.000.000	-
74	B	Máy đo pH	1		14.000.000	14.000.000	-
75	B	Thiết bị đo tỷ trọng	1		1.400.000	1.400.000	-
76	B	Máy nhào (sản xuất viên hoàn)	1		300.000.000	300.000.000	-
77	B	Nồi nấu hồ	1		150.000.000	150.000.000	-
78	B	Máy đùn sợi vè viên hoàn mềm SDW	1		175.000.000	175.000.000	-
79	B	Tủ sấy tĩnh	1		120.000.000	120.000.000	-
80	B	Cân điện tử	2		20.000.000	40.000.000	-
81	B	Nồi bao hoàn	3		35.000.000	105.000.000	-
82	B	Máy giặt sấy	1		50.000.000	50.000.000	-
83	B	Máy rửa lồng sấy (Basket Washing Machine)	1		1.410.000.000	1.410.000.000	-
84	B	Máy xay NL	1		300.000.000	300.000.000	-

85	B	Booth cân	1		300.000.000	300.000.000	-
86	B	Cân điện tử 15kg	1		20.000.000	20.000.000	-
87	B	Cân điện tử 100kg	1		30.000.000	30.000.000	-
88	B	Máy nghiền keo (Colloid Stone Mill)	1		705.000.000	705.000.000	-
89	B	Máy trộn và nhũ hóa chân không (Homo Mixer & Vacuum Mixer)	1		987.000.000	987.000.000	-
90	B	Máy rây keo (Vibrator)	1		117.500.000	117.500.000	-
91	B	Tank chứa thuốc 300L (Medicine Service Tank)	2		164.500.000	329.000.000	-
92	B	Nồi nấu gelatin (Gelatin Melting Tank (600))	1		1.410.000.000	1.410.000.000	-
93	B	Nồi ủ gelatin 300L (Gelatin	2		164.500.000	329.000.000	-

		Service Tank)					
94	B	Máy tạo nang (Encapsulation Machine)	1		7.200.000.000	7.200.000.000	-
95	B	Cân điện tử 15kg	1		20.000.000	20.000.000	-
96	B	Sấy nang 8h (Double Deck In line Tumbling Dryer)	1		6.215.750.000	6.215.750.000	-
97	B	Tank chứa 1	1		150.000.000	150.000.000	-
98	B	Tank chứa 2	1		150.000.000	150.000.000	-
99	B	Nồi nấu	1		150.000.000	150.000.000	-
100	B	Lọc dịch + Phụ trợ hoàn thiện hệ thống	1		550.000.000	550.000.000	-
101	B	Máy chiết rót	1		800.000.000	800.000.000	-
102	B	Máy xiết nút	1		400.000.000	400.000.000	-
103	B	Bồn chứa siro	1		150.000.000	150.000.000	-
104	B	Máy ép gói	1		170.000.000	170.000.000	-
105	B	Máy ép gói trực xoắn	1		650.000.000	650.000.000	-
106	B	Máy ép gói thể tích	1		170.000.000	170.000.000	-

107	B	Máy đếm viên	1		622.000.000	622.000.000	-
108	B	Máy scal măng	1		250.000.000	250.000.000	-
109	B	Máy dán nhãn chai tự động	1		300.000.000	300.000.000	-
110	B	Máy ép vi	1		2.835.490.000	2.835.490.000	-
111	B	Máy ép vi (Option): Máy hút bụi	1		146.141.000	146.141.000	-
112	B	Máy ép vi (Option): Chuyển sang dùng Máy tính công nghiệp 15" và UPS	1		113.500.000	113.500.000	-
113	B	Máy ép vi	1		2.835.490.000	2.835.490.000	-
114	B	Máy ép vi (Option): Máy hút bụi	1		146.141.000	146.141.000	-
115	B	Máy ép vi (Option): Chuyển sang dùng Máy tính công nghiệp 15" và	1		113.500.000	113.500.000	-

		UPS					
116	B	Máy in phun	2		199.750.000	399.500.000	-
117	B	Cân âm	1		30.000.000	30.000.000	-
118	B	Cân kỹ thuật	1		20.000.000	20.000.000	-
119	B	Máy đo pH	1		14.000.000	14.000.000	-
120	B	Thiết bị đo tỷ trọng	1		1.400.000	1.400.000	-
121	B	Máy xay NL	1		300.000.000	300.000.000	-
122	B	Booth cân	1		300.000.000	300.000.000	-
123	B	Cân điện tử 15kg	1		20.000.000	20.000.000	-
124	B	Cân điện tử 100kg	1		30.000.000	30.000.000	-
125	B	Máy trộn cao tốc	1		500.000.000	500.000.000	-
126	B	Máy đóng gói bột	1		650.000.000	650.000.000	-
127	B	Máy đóng chai bột	1		500.000.000	500.000.000	-
128	B	Hệ thống pha chế kem-mỡ-gel	1		1.433.500.000	1.433.500.000	-
129	B	Máy vô tuýp	1		1.600.000.000	1.600.000.000	-
130	B	Cân điện tử 15kg	6		20.000.000	120.000.000	-
131	B	Tank chứa	1		150.000.000	150.000.000	-
132	B	Nồi nấu	1		150.000.000	150.000.000	-

133	B	Lọc dịch + Phụ trợ hoàn thiện hệ thống	1		550.000.000	550.000.000	-
134	B	Tank chứa	1		150.000.000	150.000.000	-
135	B	Máy chiết rót	1		500.000.000	500.000.000	-
136	B	Máy xiết nút	1		300.000.000	300.000.000	-
137	B	Máy ép gói	1		170.000.000	170.000.000	-
138	B	Máy in	1		775.500.000	775.500.000	-
139	B	Máy giặt sấy	1		50.000.000	50.000.000	-
140	Nhà VP	Cân 15kg		1	20.000.000	-	20.000.000
141	Nhà VP	Cân 100kg		1	30.000.000	-	30.000.000
142	Nhà VP	Máy xay NL		1	1.785.925.900	-	1.785.925.900
143	Nhà VP	Máy xay NL(Option): Đầu xát hạt Conne mill		1	954.587.700	-	954.587.700
144	Nhà VP	Máy xay NL(Option): Đầu sàng hạt ly tâm		1	947.961.300	-	947.961.300
145	Nhà VP	Máy trộn cao tốc		1	4.006.420.330	-	4.006.420.330
146	Nhà	Máy trộn cao		1	783.585.000	-	783.585.000

	VP	tốc (Option): Cụm nổi trộn 60 lít					
147	Nhà VP	Máy trộn cao tốc (Option): Cụm nổi trộn 30 lít	1	705.206.700	-	705.206.700	
148	Nhà VP	Máy trộn cao tốc (Option): Bàn đỡ các nồi dự phòng	1	223.905.000	-	223.905.000	
149	Nhà VP	Máy trộn cao tốc (Option): Tank 7L tiêu chuẩn. 1 lớp. gồm cánh khuấy, dùng cho HMG- 5/10/20	1	107.661.400	-	107.661.400	
150	Nhà VP	Máy sấy tầng sôi	1	5.354.813.200	-	5.354.813.200	
151	Nhà VP	Máy sấy tầng sôi (Option): Cụm nổi sản phẩm 30L (10kg)	1	347.969.600	-	347.969.600	
152	Nhà VP	Máy sấy tầng sôi (Option): Cụm nổi sản phẩm 58L	1	405.708.600	-	405.708.600	

		(20kg)					
153	Nhà VP	Máy sấy tầng sôi (Option): Tank 34L tiêu chuẩn. 1 lớp. gồm cánh khuấy. dùng cho FBDG-5/10/20	1	177.538.900		-	177.538.900
154	Nhà VP	Máy sấy tầng sôi (Option): Cụm gia nhiệt gió vào bằng hơi nước. điều khiển PID	1	407.954.800		-	407.954.800
155	Nhà VP	Máy sấy tầng sôi (Option): Đo lượng dịch phun bằng Mass Flowmeter	1	344.263.700		-	344.263.700
156	Nhà VP	Máy xát siêu tốc	1	1.785.925.900		-	1.785.925.900
157	Nhà VP	Máy trộn hoàn tất	1	866.740.000		-	866.740.000
158	Nhà VP	Máy đóng nang Lab cap II	1	3.381.180.000		-	3.381.180.000

	VP	chế kem/mỡ					
176	Nhà VP	Máy chiết rót kem mỡ Tube nhôm/ nhựa	1	1.600.000.000		-	1.600.000.000
177	Nhà VP	Bể ổn nhiệt	1	111.155.000		-	111.155.000
178	Nhà VP	Buồng theo dõi độ ổn định	2	587.500.000		-	1.175.000.000
179	Nhà VP	Cân xác định hàm ẩm	1	188.000.000		-	188.000.000
180	Nhà VP	Cân phân tích 5 số	1	352.500.000		-	352.500.000
181	Nhà VP	Cân kỹ thuật	1	164.500.000		-	164.500.000
182	Nhà VP	Máy đo pH	1	67.327.500		-	67.327.500
183	Nhà VP	Máy li tâm	1	39.950.000		-	39.950.000
184	Nhà VP	Máy sắc ký lỏng	1	2.219.739.500		-	2.219.739.500
185	Nhà VP	Máy thử độ hòa tan 12 cốc	1	2.702.500.000		-	2.702.500.000
186	Nhà VP	Máy thử độ cứng	1	194.110.000		-	194.110.000
187	Nhà VP	Máy thử độ mài mòn	1	184.475.000		-	184.475.000
188	Nhà	Máy thử độ	1	164.500.000		-	164.500.000

166	Nhà VP	Máy bao phim (Option): Cụm gia nhiệt gió vào bằng hơi nước. điều khiển PID	1	272.142.000	-	272.142.000
167	Nhà VP	Máy bao phim (Option): Đo lượng dịch phun bằng Mass Flowmeter	1	312.967.000	-	312.967.000
168	Nhà VP	Máy cấp nước lạnh	1	955.025.000	-	955.025.000
169	Nhà VP	Máy ép gói trực xoắn	1	650.000.000	-	650.000.000
170	Nhà VP	Máy ép vỉ	1	1.310.000.000	-	1.310.000.000
171	Nhà VP	Hệ thống pha chế siro	1	790.000.000	-	790.000.000
172	Nhà VP	Máy chiết rót	1	140.000.000	-	140.000.000
173	Nhà VP	Cân 15kg	1	20.000.000	-	20.000.000
174	Nhà VP	Cân 100kg	1	30.000.000	-	30.000.000
175	Nhà	Hệ thống pha	1	752.000.000	-	752.000.000

159	Nhà VP	Máy dập viên		1	684.320.000	-	684.320.000
160	Nhà VP	Máy bao phim		1	4.422.999.000	-	4.422.999.000
161	Nhà VP	Máy bao phim (Option): Nồi bao thay thế. loại 10 kg/mẻ		1	302.380.000	-	302.380.000
162	Nhà VP	Máy bao phim (Option): Nồi bao thay thế. loại 20 kg/mẻ		1	362.856.000	-	362.856.000
163	Nhà VP	Máy bao phim (Option): Drum-20L		4	17.343.000	-	69.372.000
164	Nhà VP	Máy bao phim (Option): Tank 34L tiêu chuẩn. dùng cho TCS-5/10/20		1	161.399.000	-	161.399.000
165	Nhà VP	Máy bao phim (Option): Xe thay nổi		1	154.214.000	-	154.214.000

	VP	rã 3 cốc					
189	Nhà VP	Máy UV - Vis	1	493.500.000	-	493.500.000	
190	Nhà VP	Bể ổn nhiệt	1	111.155.000	-	111.155.000	
191	Nhà VP	Bơm hút chân không	2	385.047.500	-	770.095.000	
192	Nhà VP	Buồng ra lẽ chất chuẩn	1	204.450.000	-	204.450.000	
193	Nhà VP	Buồng theo dõi độ ổn định	2	587.500.000	-	1.175.000.000	
194	Nhà VP	Cân xác định hàm ẩm	1	188.000.000	-	188.000.000	
195	Nhà VP	Cân siêu vi	1	728.500.000	-	728.500.000	
196	Nhà VP	Cân phân tích 5 số	1	352.500.000	-	352.500.000	
197	Nhà VP	Cân kỹ thuật	2	164.500.000	-	329.000.000	
198	Nhà VP	Kính hiển vi soi thẳng truyền hình	1	330.645.000	-	330.645.000	
199	Nhà VP	Lò nung	1	739.310.000	-	739.310.000	
200	Nhà VP	Máy chuẩn độ điện thế	1	419.428.000	-	419.428.000	
201	Nhà	Máy đếm	1	17.625.000	-	17.625.000	

	VP	khuẩn lạc					
202	Nhà VP	Máy đo chỉ số khúc xạ		1	199.750.000	-	199.750.000
203	Nhà VP	Máy đo điểm chày		1	467.885.000	-	467.885.000
204	Nhà VP	Máy đo độ dẫn		1	63.074.000	-	63.074.000
205	Nhà VP	Máy đo góc quay cực		1	1.129.292.500	-	1.129.292.500
206	Nhà VP	Máy đo pH		1	67.327.500	-	67.327.500
207	Nhà VP	Máy đo độ nhớt		1	187.530.000	-	187.530.000
208	Nhà VP	Máy đo vòng vô khuẩn		1	50.525.000	-	50.525.000
209	Nhà VP	Máy hấp thụ nguyên tử (AAS)		1	4.112.500.000	-	4.112.500.000
210	Nhà VP	Máy hồng ngoại (IR)		1	1.499.300.000	-	1.499.300.000
211	Nhà VP	Máy lắc ống nghiệm		1	30.550.000	-	30.550.000
212	Nhà VP	Máy lấy mẫu không khí và khí nén		1	199.750.000	-	199.750.000
213	Nhà VP	Máy li tâm		1	39.950.000	-	39.950.000
214	Nhà VP	Máy sắc ký khí (GC)		1	4.084.300.000	-	4.084.300.000

215	Nhà VP	Máy sắc ký lỏng	7	2.219.739.500	-	15.538.176.500
216	Nhà VP	Máy thử độ hòa tan 12 cốc	1	2.702.500.000	-	2.702.500.000
217	Nhà VP	Máy thử độ hòa tan 8 cốc	1	2.044.500.000	-	2.044.500.000
218	Nhà VP	Máy thử độ cứng	1	194.110.000	-	194.110.000
219	Nhà VP	Máy thử độ kín	1	184.475.000	-	184.475.000
220	Nhà VP	Máy thử độ mài mòn	1	184.475.000	-	184.475.000
221	Nhà VP	Máy thử độ rã 3 cốc	1	164.500.000	-	164.500.000
222	Nhà VP	Máy UV - Vis	1	493.500.000	-	493.500.000
223	Nhà VP	Máy xác định hàm lượng nước (KF)	1	188.000.000	-	188.000.000
224	Nhà VP	Máy đếm tiểu phân	1	564.000.000	-	564.000.000
225	Nhà VP	Nồi hấp 120 lít	2	4.700.000.000	-	9.400.000.000
226	Nhà VP	Tủ âm	1	235.000.000	-	235.000.000
227	Nhà VP	Tủ cấy dòng khí ngang (4 feet)	1	343.100.000	-	343.100.000

228	Nhà VP	Tủ an toàn sinh học (LAF)	2	404.200.000	-	808.400.000
229	Nhà VP	Tủ hút khí thải	5	502.900.000	-	2.514.500.000
230	Nhà VP	Tủ sấy 104 lít	1	126.665.000	-	126.665.000
231	Nhà VP	Tủ sấy chân không	1	465.300.000	-	465.300.000
232	Nhà VP	Rửa dụng cụ thủy tinh	1	512.300.000	-	512.300.000
Cộng					109.229.773.000	97.845.222.530
TỔNG CỘNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TÒA B VÀ TÒA NHÀ VP					207.074.995.530	

Hiện tại, Công ty đang tích cực tìm kiếm và đàm phán với một số nhà cung cấp máy móc thiết bị trong và ngoài nước về giá cả và chất lượng để đảm bảo đúng tiêu chuẩn như kế hoạch đã đề ra. Dự kiến, sau khi huy động vốn thành công, Công ty sẽ tiến hành đánh giá và lựa chọn các nhà cung cấp, sau đó tiến hành ký kết các hợp đồng để thực hiện việc mua sắm này. Một số nhà cung cấp hiện Công ty đang đàm phán như sau:

Bảng 39. Danh sách một số nhà cung cấp máy móc, thiết bị dự kiến của Công ty

STT	Tên nhà cung cấp	Xuất xứ thiết bị	Địa chỉ nhà cung cấp	Loại hình	Loại thiết bị
I Nhà cung cấp trong nước					
1	Công ty TNHH chế tạo máy dược phẩm Tiến Tuấn	Việt Nam	Lô IV-19 (KCN Tân Bình) đường Tây Thạnh, P.Tây Thạnh, Q. Tân Phú, Tp.HCM	Sản xuất	TB nghiên cứu; sản xuất thuốc viên
2	Công ty TNHH thương mại Chính Quang	Việt Nam	26 - 28 - 326 - 28 - 30 Đường số 3, CX Bình Thới, P8, Q11, TP.HCM	Sản xuất	sản xuất thuốc viên
3	Công ty TNHH thiết bị máy móc Hưng Phát	Việt Nam	Số 3/23 Ngõ 1197 Đường Giải Phóng, Phường.Thịnh Liệt, Quận	Sản xuất-thương mại	TB sản xuất thuốc không vô trùng

			Hoàng Mai, TP. Hà Nội		
4	Công ty TNHH chế tạo máy STV	Việt Nam	402 Lê Minh Nhựt, tổ 3, ấp Xóm Chùa, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất	TB sản xuất thuốc viên
II Nhà sản xuất nước ngoài					
5	Truking Feiyun Pharmaceutical Equipment (Changsha) Limited	Trung Quốc	No.1, Xinkang Road, Yutan Tower, Ningxiang, Changsha, Hunan Province, China	Sản xuất	TB sản xuất thuốc tiêm
6	Shanghai Tofflon Science and Technology Co. Ltd.	Trung Quốc	: 1509, Duhui Road, Shanghai, China	Sản xuất	TB sản xuất thuốc tiêm
7	Shanghai Tianxiang & Chentai Pharmaceutical Machinery Co Ltd	Trung Quốc	161 Zhenhai Road 465 Lane Changning District, 200050 China	Sản xuất	máy dập viên
8	Shanghai Tianhe Pharmaceutical Machinery Co., Ltd. (Brand STH)	Trung Quốc	Chenjia town, Chongming County, Shanghai, China	Sản xuất	Máy dập viên; đóng nang; ép vi; nang mềm, đếm viên
9	SHANDONG SMA PHARMATECH CO., LTD	Trung Quốc	No.165, Huabei Road, Zhangdian District, Zibo City, Shandong State, Zibo, Shandong Sheng, 255000, China	Sản xuất	TB sản xuất thuốc viên
10	WONSEN ENTERPRISE YICHUN WANSHEN PHARMACEUTICAL MACHINERY CO., LTD	Trung Quốc	No.28 Chunfeng Road, Economic & Technological Development Zone, Yichun City, Jiangxi Province, China	Sản xuất	TB sản xuất thuốc viên
11	LM.A. INDUSTRIA MACCHINE AUTOMATICHE S.P.A	Đức	VP đại diện ở Việt Nam: 105 Láng Hạ, Đống Đa, HN	Sản xuất	tất cả các máy
12	Romaco	Đức	Am Heegwald 11, 76227 Karlsruhe, Other, Germany	Sản xuất	TB sản xuất thuốc viên, thuốc nước
13	SEJONG PHARMATECH CO., LTD	Hàn quốc	63. Annam-ro 402beong-gil Bupyeong-gu, Incheon, Korea	Sản xuất	TB sản xuất thuốc viên
14	SKY Softgel & Pack Co., Ltd	Hàn quốc	1st Factory 25BL-5LT, 446-5 Nonhyun-dong, Namdong-gu, Incheon, Korea	Sản xuất	Thiết bị sản xuất viên nang mềm

15	STILMAS S.P.A.	Italy	Viale delle Industrie, 14 20049 Settala, Milan, Italy	Sản xuất	Hệ thống cung cấp nước
16	Hata Iron Works Co., Ltd.	Nhật bản	Headquarters 59, Nishikyogoku Kitashokaicho, Ukyo-ku, Kyoto 615-0802	Sản xuất	máy dập viên
17	Countec Co.Ltd	Hàn Quốc	78 sancop-ro, Ojeong- gu, Bucheon-City, Gyeonggi-do, 14402, Korea	Sản xuất	
18	Công ty CP Thiết bị Vật tư KHKT & DL Trung Sơn	Nhật bản	38/16 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	Thương mại	TB kiểm nghiệm Shimazhu
19	CÔNG TY TNHH SAO ĐỎ VIỆT NAM - CHI NHÁNH CMS	Nhiều nước	Tầng 11, Tòa nhà Việt Á, Số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	Thương mại	TB kiểm nghiệm
20	Công ty TNHH Thiết bị Hiệp Phát	Nhiều nước	307 Phạm văn Bạch, P15, Q tân Bình - TP Hồ chí Minh	Thương mại	TB kiểm nghiệm
21	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VIỆT ANH	Nhiều nước	11 Nguyễn Ngọc Phương, F19, Q. Bình Thạnh - TP HCM - VN	Thương mại	TB kiểm nghiệm
22	CTY TNHH VẬT TƯ KHOA HỌC KỸ THUẬT ĐÔNG DƯƠNG	Nhiều nước	Tầng 2, Số 3/117, Đặng Tiền Đông, Đống Đa, Hà nội	Thương mại	TB kiểm nghiệm
23	CÔNG TY TNHH TM HÓA CHẤT DV KỸ THUẬT SAO NAM	Mỹ	92, Đường 13, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, Tp.HCM	Thương mại	TB thẩm định
24	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ FILTERFINE VIỆT NAM	Nhiều nước	Số 27, Ngõ 364/94 Giải Phóng, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	Thương mại	TB thẩm định
25	Công ty TNHH MTV Mettler Toledo Việt Nam	Đức	Tầng G, Tòa nhà SCS, Lô T2-4, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Quận 9 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất	TB kiểm nghiệm

Bảng 40. Kế hoạch bổ sung nguồn vốn lưu động (trả lương cho CBCNV)

Đơn vị: đồng

STT	HẠNG MỤC	SL LAO ĐỘNG	BÌNH QUÂN	TỔNG CHI 1 NĂM	TỔNG CHI 2 NĂM
I	TIỀN LƯƠNG HÀNG THÁNG	29	660.125.900	7.273.510.800	14.547.021.600
1.1	Lao động hiện tại	23	496.125.900	5.953.510.800	11.907.021.600
1.2	Lao động cần bổ sung	6	110.000.000	1.320.000.000	2.640.000.000
	Kỹ sư cơ điện, XD (Tiểu ban cơ điện, XD)	4	20.000.000	960.000.000	1.920.000.000
	Dược sỹ (Tiểu ban công nghệ)	2	15.000.000	360.000.000	720.000.000
II	TIỀN THƯỞNG/ NGƯỜI			1.227.500.000	2.455.000.000
2.1	Tết Dương lịch	29	1.500.000	43.500.000	87.000.000
2.2	Tiền hoàn thành kế hoạch			505.000.000	1.010.000.000
2.3	Tết Âm lịch	29	15.000.000	435.000.000	870.000.000
2.4	Mừng tuổi tết Âm lịch	29	500.000	14.500.000	29.000.000
2.5	Tiền 27/2	29	200.000	5.800.000	11.600.000
2.6	Chi tiền CBCNV đi dự HNNLD cấp công ty	4		800.000	1.600.000
2.7	Danh hiệu tập thể, cá nhân - Thương danh hiệu thi đua chính quyền	29	2.500.000	72.500.000	145.000.000
2.8	Hội nghị người LĐ cấp cơ sở	29	200.000	5.800.000	11.600.000

2.9	Thưởng 30/04. 01/05	29	500.000	14.500.000	29.000.000
2.10	Tiền nghỉ mát	29	3.000.000	87.000.000	174.000.000
2.11	Thưởng 02/09	29	1.500.000	43.500.000	87.000.000
	Tổng (I+II)			8.501.010.800	17.002.821.600

Nguồn: Công ty

Bảng 41. Kế hoạch thanh toán chi phí dịch vụ tư vấn và các dịch vụ khác

ST T	Nhà cung cấp	Số hợp đồng	Nội dung hợp đồng/Hạng mục	Giá trị			
				Tiền	Hợp đồng	Đã thanh toán	Còn phải thanh toán
		Thanh toán chi phí dịch vụ tư vấn và các dịch vụ khác					
	Rieckrmmn Services Limited	VH/M/EO 1432- Mediplantex A190906	Tư vấn tuân thủ GMP	VND	30.574.500.000	13.119.240.000	17.455.260.000
	Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng Sagen	1615/HD/SA GEN/2019	Lập quy hoạch 1/500; Lập HS TK sơ bộ; Lập HS TK cơ sở; Lập HSTKBVTC; Lập tổng dự toán và dự toán chi tiết.	VND	9.901.100.000	6.930.770.000	2.970.330.000
		Tổng cộng			40.475.600.000	20.050.010.000	20.425.590.000

Nguồn: Công ty

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán

a) Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 52 đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

CTCP CHỨNG KHOÁN FPT

Điện thoại: 19006446

Fax: 024.37739058

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 3. Tòa nhà 136-138 Lê Thị Hồng Gấm. Phường Nguyễn Thái Bình. Quận 1. TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 19006446

Fax: 028.62910607

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 3. 4 Toà nhà Trảng Tiễn. số 130 Đống Đa. Phường Thuận Phước. Quận Hải Châu. TP Đà Nẵng

Điện thoại: 19006446

Fax: 0511.3553888

b) Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tầng 12. tòa nhà 167. phố Bùi Thị Xuân. quận Hai Bà Trưng. Hà Nội

Điện thoại: 024.6278.2904

Fax: 024.6278.2905

2. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán ra công chúng

Với tư cách là tổ chức tư vấn phát hành. Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Trung Ương Mediplantex. toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng cho mục đích: thanh toán phí tư vấn, mua sắm máy móc, thiết bị và bổ sung nguồn vốn lưu động (trả lương cho cán bộ công nhân viên).

Công ty dự kiến chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 6.280.095 cổ phiếu theo tỷ lệ 1:1. giá chào bán là 25.000 đồng/ cổ phiếu. Mức giá chào bán này thấp hơn giá trị sổ sách và thấp hơn đáng kể so với giá thị trường của cổ phiếu MED. Đồng thời với kế hoạch kinh doanh có tính khả thi, doanh nghiệp có vị thế nhất định trên thị trường, tổ chức tư vấn cho rằng đợt chào bán của Công ty có khả năng thành công.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

- Không có

XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. **Phụ lục II:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
3. **Phụ lục III:** Điều lệ công ty
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, 2020 và Báo cáo tài chính Quý III năm 2021
5. **Phụ lục V:** Xác nhận mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu
6. **Các phụ lục khác**

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG MEDIPLANTEX
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ




Đoàn Thị Hồng Thúy

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hoàng Dũng

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Trang Nhung

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Phùng Minh Thơm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



Nguyễn Thị Hạnh